

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
LISOD VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn: THS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Sinh viên thực hiện: Lê Thị Thu Thủy
Mã số sinh viên: 2254010058
Khóa học: 2022 – 2026
Lớp: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện.

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Thu Thủy
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam

3. Cán bộ hướng dẫn.

TH.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh

4. Ngày giao nhiệm vụ khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận : 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1 Một số vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	1
1.1.1 Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	1
1.1.2 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh....	1
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.2 Kế toán các khoản doanh thu	3
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	10
1.2.4 Kế toán thu nhập khác.....	12
1.3 Kế toán các khoản chi phí.....	14
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính	18
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.3.4. Kế toán chi phí khác.....	22
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.4.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh	26
1.4.2. Chứng từ sử dụng	27
1.4.3. Tài khoản sử dụng	27
1.4.4. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM	29
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Lisod	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	29
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty	31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh	32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	34
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	36
2.2 Thực trạng kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Lisod.....	39
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	39

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	46
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	46
2.2.4. Kế toán thu nhập khác	48
2.3 Thực trạng kế toán chi phí tại Công ty TNHH Lisod	51
2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.3.2. Kế toán chi phí tài chính	54
2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	57
2.3.5. Kế toán chi phí khác	62
2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	66
2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod ...	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM.....	77
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod	77
3.1.1. Ưu điểm	77
3.1.2. Hạn chế.....	78
3.2 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod.....	78

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp.....	6
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi.....	7
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp.....	7
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trao đổi.....	8
Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.....	10
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại	10
Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	12
Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....	14
Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	22
Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán chi phí khác	24
Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	28
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	35
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam	36
Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”	37
Sơ đồ 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Misa...	39

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Misa SME 2023.....	38
Hình 2.2: Hoá đơn GTGT số 1052411	44
Hình 2.3: Phiếu thu ngày 16 tháng 08 năm 2025.....	45
Hình 2.4: Hoá đơn GTGT số 1067922.....	42
Hình 2.5: Giao diện chứng từ bán hàng trên phần mềm Misa SME 2023	43
Hình 2.6: Giấy báo có ngày 08/10/2025.....	47
Hình 2.7: Hoá đơn GTGT số 1025477	50
Hình 2.8: Phiếu xuất kho ngày 15/10/2025	53
Hình 2.9: Giấy báo nợ Ngân hàng ngày 30/10/2025.....	56
Hình 2.10: Hoá đơn dịch vụ viễn thông ngày 10/08/2025	59
Hình 2.11: Phiếu chi ngày 10/08/2025	60
Hình 2.12: Hoá đơn GTGT số 615101.....	61
Hình 2.13: Hoá đơn GTGT số 1073146.....	65
Hình 2.14: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	68
Hình 2.15: Tờ khai thuế TNDN năm 2025.....	70
Hình 2.16: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	72

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT - BTC	Thông tư – Bộ Tài Chính
TK	Tài khoản
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
KC	Kết chuyển
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
LNKT	Lợi nhuận kế toán
CCDV	Cung cấp dịch vụ
LN	Lợi nhuận
SXKDDD	Sản xuất kinh doanh dở dang
HH	Hàng hoá
BH	Bán hàng

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô tại Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Kinh Tế đã luôn tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức chuyên môn, định hướng và hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập cũng như thực hiện chuyên đề tốt nghiệp. Em xin gửi lời tri ân đặc biệt đến cô Nguyễn Thị Hồng Hạnh, người đã luôn tận tình chỉ bảo, định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi nhất để em hoàn thành bài báo cáo một cách đầy đủ và hiệu quả nhất. Sự hướng dẫn tận tâm của cô là nguồn động viên to lớn giúp em vượt qua những khó khăn trong quá trình thực hiện báo cáo.

Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ban lãnh đạo cùng toàn thể anh chị nhân viên phòng kế toán tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam. Nhờ sự hỗ trợ và hướng dẫn tận tình của mọi người, em đã có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, mở rộng kiến thức chuyên môn và vận dụng những gì đã học vào thực tiễn. Sự giúp đỡ quý báu từ quý công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để em rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm quý giá cho hành trình phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Trong quá trình tìm hiểu và thực hiện nghiên cứu đề tài, mặc dù bản thân em đã cố gắng hết sức, nhưng do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc Quý Thầy Cô luôn mạnh khỏe và thành công trong sự nghiệp giảng dạy. Đồng thời, em cũng xin chúc Công ty TNHH Lisod Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh, gặt hái nhiều thành công và đạt được những thành tựu mới trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, nền kinh tế thế giới mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Hiện nay, Việt Nam là một trong những quốc gia đang phát triển, không ngừng học hỏi và mở rộng hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh. Để bắt kịp xu hướng này, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế là yêu cầu cấp thiết, đồng thời, nhà nước cũng đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy sự mở rộng và tăng trưởng của doanh nghiệp. Nhờ đó, các doanh nghiệp tại Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, song song với đó là áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng. Để đứng vững trên thị trường đầy biến động, các doanh nghiệp cần chủ động thích ứng, đổi mới sáng tạo và xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong đó, doanh thu, chi phí và quá trình xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò cốt lõi, giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động của mình trong từng giai đoạn. Thông qua các chỉ số tài chính, các nhà quản lý có thể đưa ra những quyết định kịp thời, định hướng chiến lược phát triển phù hợp để nâng cao hiệu suất kinh doanh. Chính vì vậy, công tác kế toán trở thành một bộ phận không thể thiếu, giúp ghi nhận, phân tích và cung cấp thông tin tài chính chính xác, đầy đủ, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc hoạch định kế hoạch phát triển bền vững. Một hệ thống kế toán khoa học và hợp lý không chỉ đảm bảo sự minh bạch trong quản lý tài chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán trong hoạt động kinh doanh, em quyết định lựa chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong việc phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với Công ty TNHH LISOD Việt Nam – doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, việc tổ chức công tác kế toán hợp lý giúp cung cấp thông tin tài chính chính xác, kịp thời cho nhà quản lý. Trong thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy đây là nội dung có ý nghĩa thực tiễn cao, phù hợp với chuyên

ngành học nên em chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH LISOD Việt Nam” làm khóa luận tốt nghiệp.

Đối tượng nghiên cứu

- Tên công ty: Công ty TNHH Lisod Việt Nam
- Địa chỉ: Số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mục tiêu nghiên cứu

- Tổng hợp những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Đưa ra một số nhận xét và giải pháp hoàn thiện công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thu thập và tìm hiểu các tài liệu, giáo trình, văn bản pháp luật và các thông tin liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận cho đề tài.
- Phương pháp quan sát, phỏng vấn: Quan sát thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH LISOD Việt Nam, đồng thời trao đổi với nhân viên kế toán để tìm hiểu quy trình hạch toán các nghiệp vụ phát sinh.
- Phương pháp phân tích, so sánh: Phân tích, tổng hợp và so sánh các số liệu kế toán thu thập được nhằm đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam.

- Chương 3: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Lisod Việt Nam.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Một số vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

1.1.1 Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm doanh thu

Theo khoản 1 Điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

b. Khái niệm chi phí

Chi phí là toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán, nhằm tạo ra doanh thu trong kỳ đó.

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp. Chi phí phải được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong cùng kỳ kế toán.

c. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh thể hiện thành tựu hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả tổng hợp từ 3 hoạt động chính trong bất kỳ doanh nghiệp nào: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh có thể là một số lãi hoặc số lỗ tùy thuộc vào tình hình kinh doanh.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường diễn ra vào cuối kỳ kế toán, có thể là cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Đối với doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp: Phản ánh chính xác tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chi phí, xác định lợi nhuận đạt được trong kỳ, làm cơ sở lập báo

cáo tài chính. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

b. Đối với nhà quản lý

Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp nhà quản lý: Phân tích hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí, lập kế hoạch kinh doanh, đưa ra quyết định đầu tư, điều chỉnh chiến lược phát triển. Nhờ đó nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

c. Đối với cơ quan nhà nước

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là căn cứ để: Xác định nghĩa vụ thuế; kiểm tra, thanh tra tài chính; thống kê kinh tế; quản lý hoạt động doanh nghiệp. Do đó, việc ghi nhận kế toán phải trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Phản ánh đầy đủ doanh thu

Kế toán phải theo dõi và ghi nhận đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Việc ghi nhận doanh thu phải tuân thủ đúng nguyên tắc kế toán, đúng thời điểm phát sinh, đúng giá trị và đúng đối tượng. Đồng thời kế toán phải theo dõi chi tiết doanh thu theo từng loại hoạt động, từng khách hàng, từng hợp đồng hoặc từng mặt hàng để phục vụ cho việc quản lý và phân tích hiệu quả kinh doanh.

b. Ghi nhận chính xác chi phí

Kế toán có nhiệm vụ phản ánh đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ theo đúng nội dung kinh tế, đúng đối tượng chịu chi phí và đúng kỳ kế toán.

Các khoản chi phí cần được theo dõi bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kế toán phải căn cứ vào chứng từ hợp pháp như hóa đơn, bảng lương, phiếu chi, bảng tính khấu hao, hợp đồng, giấy báo nợ ngân hàng... để ghi nhận chi phí, đồng thời phải kiểm soát chi phí nhằm hạn chế thất thoát và sử dụng vốn hiệu quả.

c. Xác định đúng kết quả kinh doanh

Sau khi đã ghi nhận đầy đủ doanh thu và chi phí, kế toán phải thực hiện việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Kết quả kinh doanh được xác định trên cơ sở so sánh giữa: tổng doanh thu và tổng chi phí

Kế toán phải thực hiện việc kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh để tính: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận khác, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo chính xác, trung thực, phản ánh đúng tình hình hoạt động của doanh nghiệp, làm căn cứ để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

d. Cung cấp thông tin cho quản lý

Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh do kế toán cung cấp là cơ sở quan trọng để: Nhà quản lý đánh giá hiệu quả hoạt động, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm soát chi phí, ra quyết định đầu tư, điều chỉnh chiến lược kinh doanh.

Ngoài ra, thông tin kế toán còn được sử dụng để: Lập báo cáo tài chính, xác định nghĩa vụ thuế, cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, phục vụ kiểm tra, thanh tra.

Do đó, kế toán phải đảm bảo thông tin cung cấp có các yêu cầu: Trung thực, chính xác, kịp thời, đầy đủ, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

1.2 Kế toán các khoản doanh thu

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm

Bán hàng: Là quá trình chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư cho người mua, bao gồm cả bán buôn và bán lẻ.

Cung cấp dịch vụ: Là việc thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong một hoặc nhiều kỳ kế toán, như: vận tải, du lịch, cho thuê tài sản, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn....

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đồng thời doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là nguồn thu chủ yếu của doanh nghiệp, phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi:

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Thu được lợi ích kinh tế
- Xác định được chi phí liên quan

c. Các phương thức bán hàng và thanh toán

Trong doanh nghiệp, việc bán hàng có thể thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau như:

- *Bán hàng trực tiếp*: Phương thức bán hàng trực tiếp là hình thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho hoặc tại phân xưởng của doanh nghiệp. Sau khi hàng hóa được bàn giao cho khách hàng thì sẽ được xem là đã tiêu thụ và quyền sở hữu thuộc về người mua. Khi đó, người mua thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán số hàng đã nhận từ người bán.
- *Phương thức chuyển hàng*: Phương thức chuyển hàng là cách thức mà bên bán vận chuyển hàng hóa đến địa điểm được ghi trong hợp đồng. Trong quá trình này, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi giao hàng xong, bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán toàn bộ hoặc một phần số hàng đã nhận thì mới được coi là đã tiêu thụ và quyền sở hữu chuyển sang bên mua. Doanh nghiệp chịu mọi tổn thất phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng đến cho người mua.
- *Bán hàng trả chậm, trả góp*: Đối với một số mặt hàng có giá trị tương đối cao, để người mua có thu nhập trung bình có thể tiêu dùng được những mặt hàng này, các doanh nghiệp tiến hành bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì được xác định là tiêu thụ. Người mua sẽ thanh toán ngay lần đầu tại thời điểm mua một phần số tiền phải trả, phần còn lại trả dần trong nhiều kỳ và phải chịu một khoản lãi nhất định gọi là lãi trả chậm, trả góp. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.
- *Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi*: Theo phương thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đến các đại lý theo các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng kinh tế. Số hàng chuyển đến các đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được xác định là tiêu thụ. Sau khi kết thúc Hợp đồng bán hàng, doanh nghiệp sẽ trả cho các đại lý một khoản thù lao về việc bán

hàng này gọi là hoa hồng đại lý. Hoa hồng đại lý được tính theo phần trăm trên tổng giá bán.

Phương thức thanh toán gồm:

- Thanh toán bằng tiền mặt
- Thanh toán chuyển khoản
- Thanh toán qua công nợ
- Thanh toán trả chậm

Việc xác định đúng phương thức bán hàng giúp kế toán ghi nhận doanh thu chính xác.

d. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hóa đơn GTGT / hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản giao nhận hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng
- Chứng từ thanh toán

e. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 – Doanh thu khác

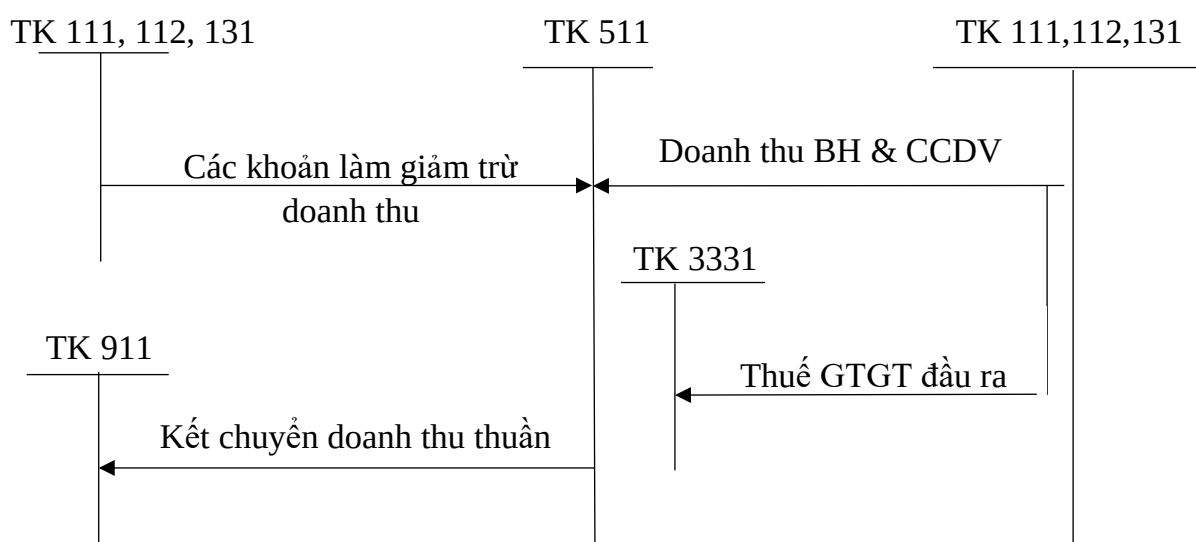
Kết cấu tài khoản:

TK 511	
+Các khoản thuế gián thu phải nộp. Chẳng hạn như thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. +Các khoản giảm trừ doanh thu +Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

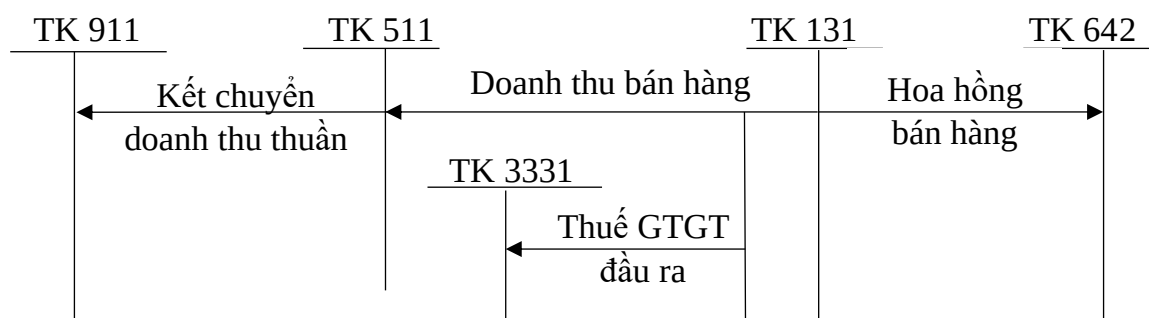
f. Phương pháp hạch toán

- Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



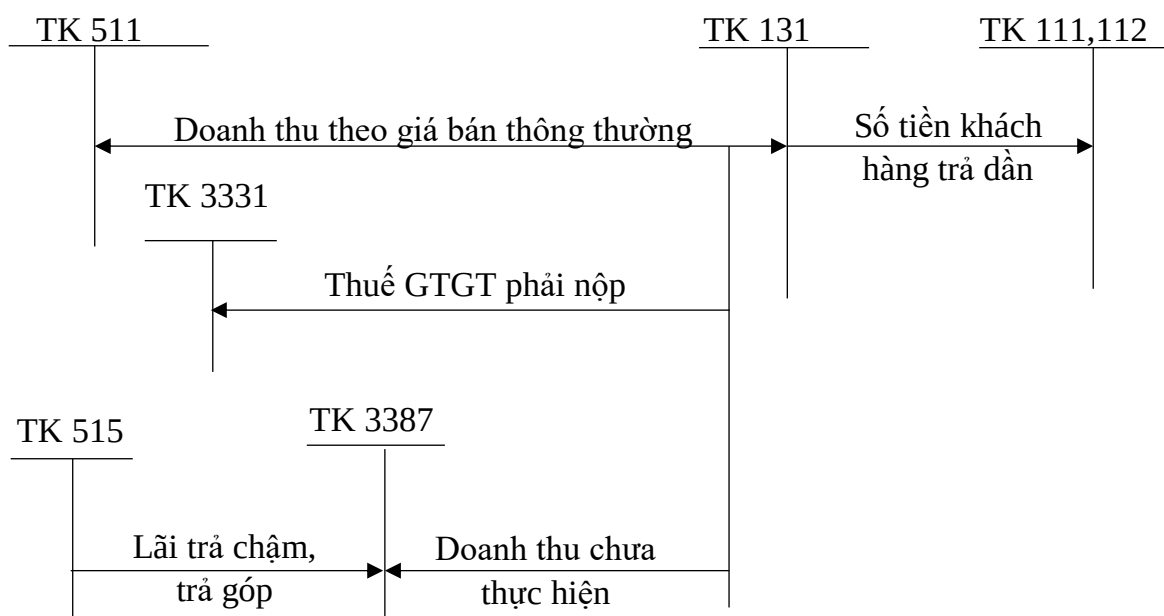
Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp

- Hạch toán theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi



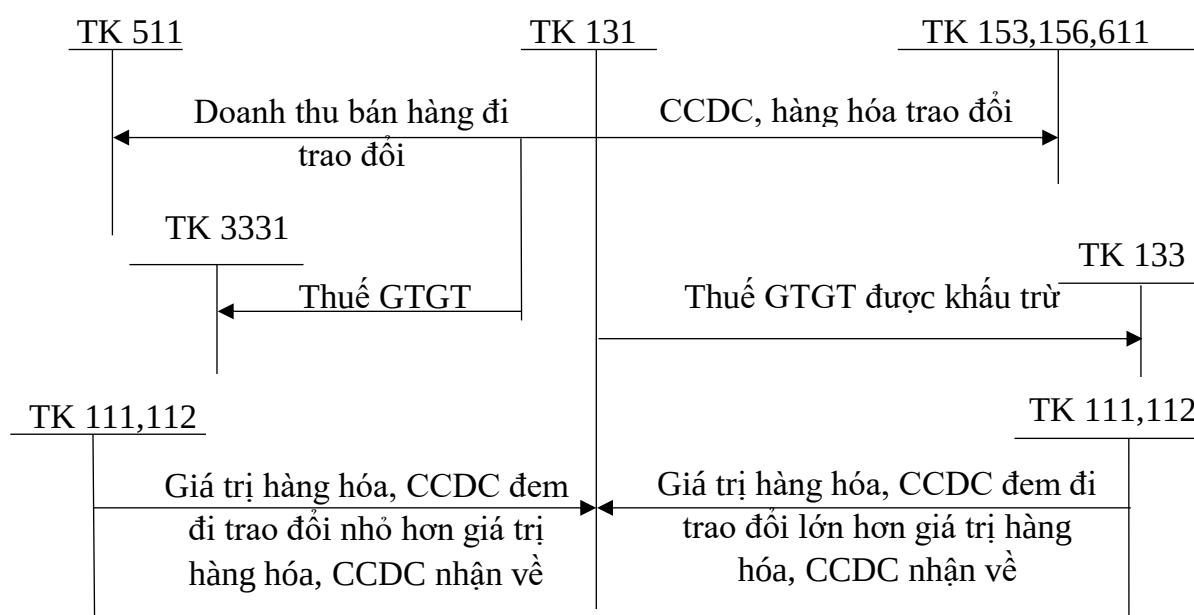
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

- Hạch toán theo phương thức bán hàng trả góp



Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp

- Hạch toán theo phương thức trao đổi



Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trao đổi

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản làm giảm doanh thu bán hàng trong kỳ, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế
- Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Các khoản này được trừ vào doanh thu để xác định doanh thu thuần.

b. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại:** Hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng, hợp đồng kinh tế hoặc thoả thuận/ cam kết chiết khấu thương mại, phiếu chi (nếu trả tiền mặt) hoặc chứng từ ngân hàng (nếu chuyển khoản) đối với các khoản chiết khấu trả sau.

- Giảm giá hàng bán: Văn bản đề nghị/ thoả thuận giảm giá hàng bán, biên bản kiểm tra hàng hoá/ biên bản xác nhận hàng sai quy cách, hoá đơn điều chỉnh giảm giá, chứng từ thanh toán/ bù trừ công nợ.
- Hàng bán bị trả lại: Biên bản thoả thuận trả lại hàng (có chữ ký 2 bên), hoá đơn hàng bán bị trả lại, phiếu nhập kho hàng trả lại, phiếu chi hoặc chứng từ ngân hàng hoàn trả tiền cho khách hàng.

c. *Tài khoản sử dụng*

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

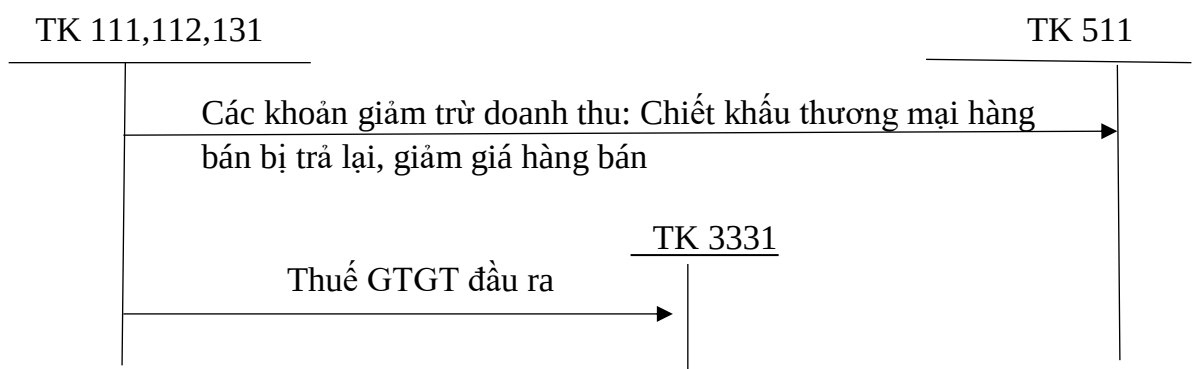
Kết cấu tài khoản:

TK 511	
- Các khoản thuế gián thu phải nộp. Chẳng hạn như thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường. -Các khoản giảm trừ doanh thu; -Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ.

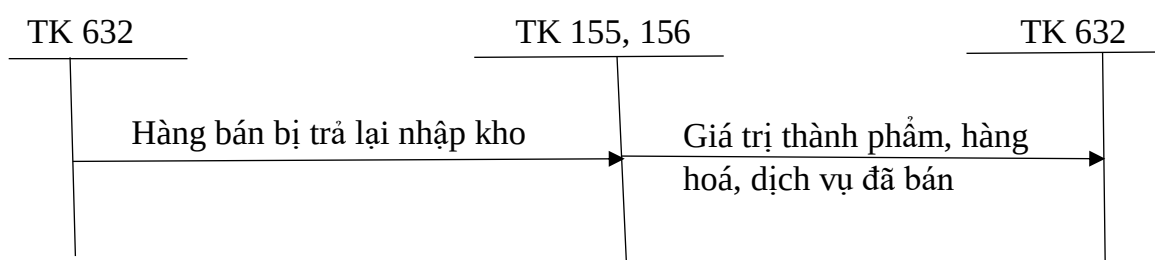
d. *Phương pháp hạch toán*

- Hạch toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán



Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

- Hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng
- Hợp đồng vay

- Bảng tính lãi
- Phiếu thu

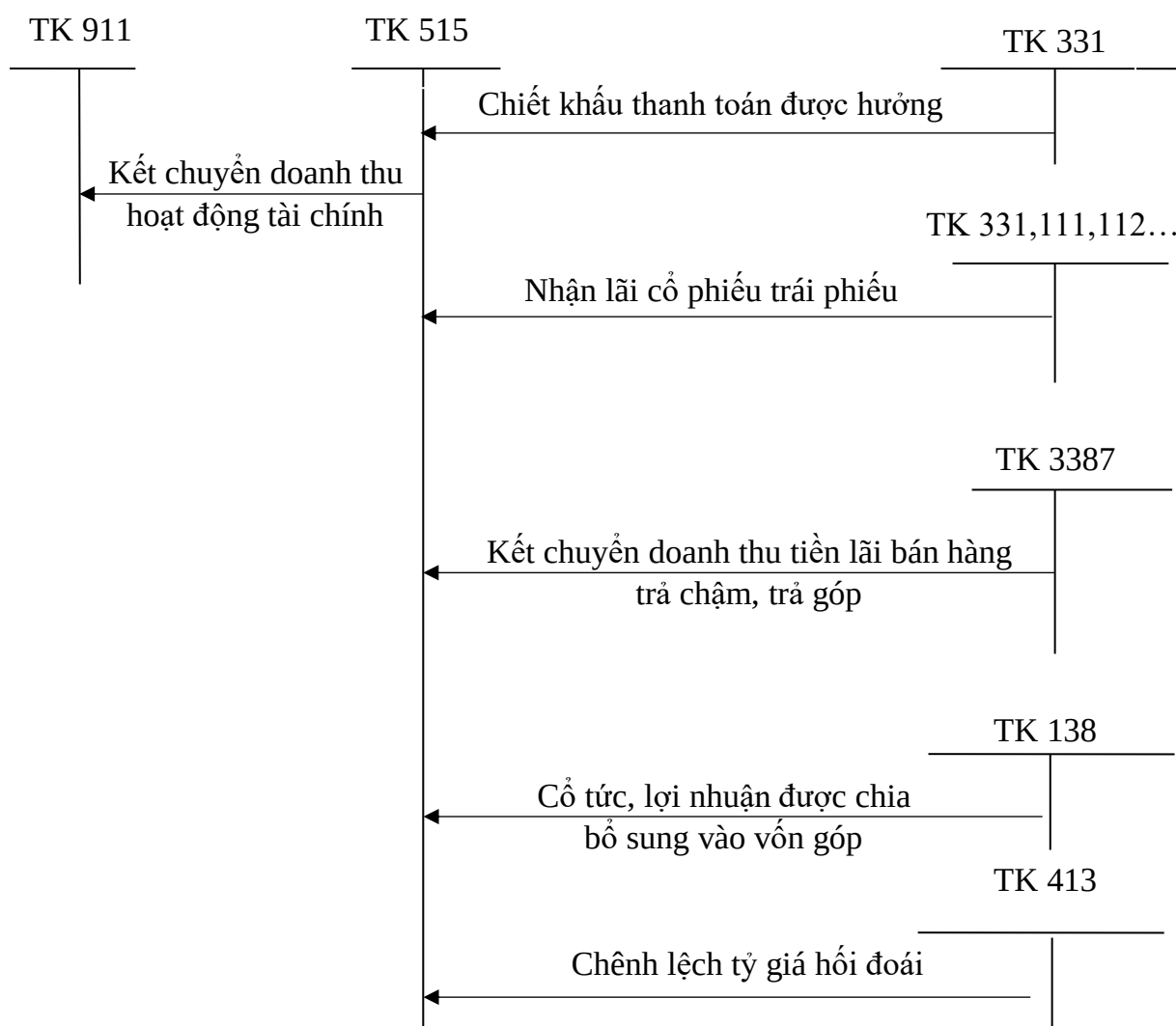
c. *Tài khoản sử dụng*

Để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản:

TK 515	
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh	-Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia -Chiết khấu thanh toán được hưởng -Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ -Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh -Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính -Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý
- Hóa đơn
- Phiếu thu
- Giấy báo có

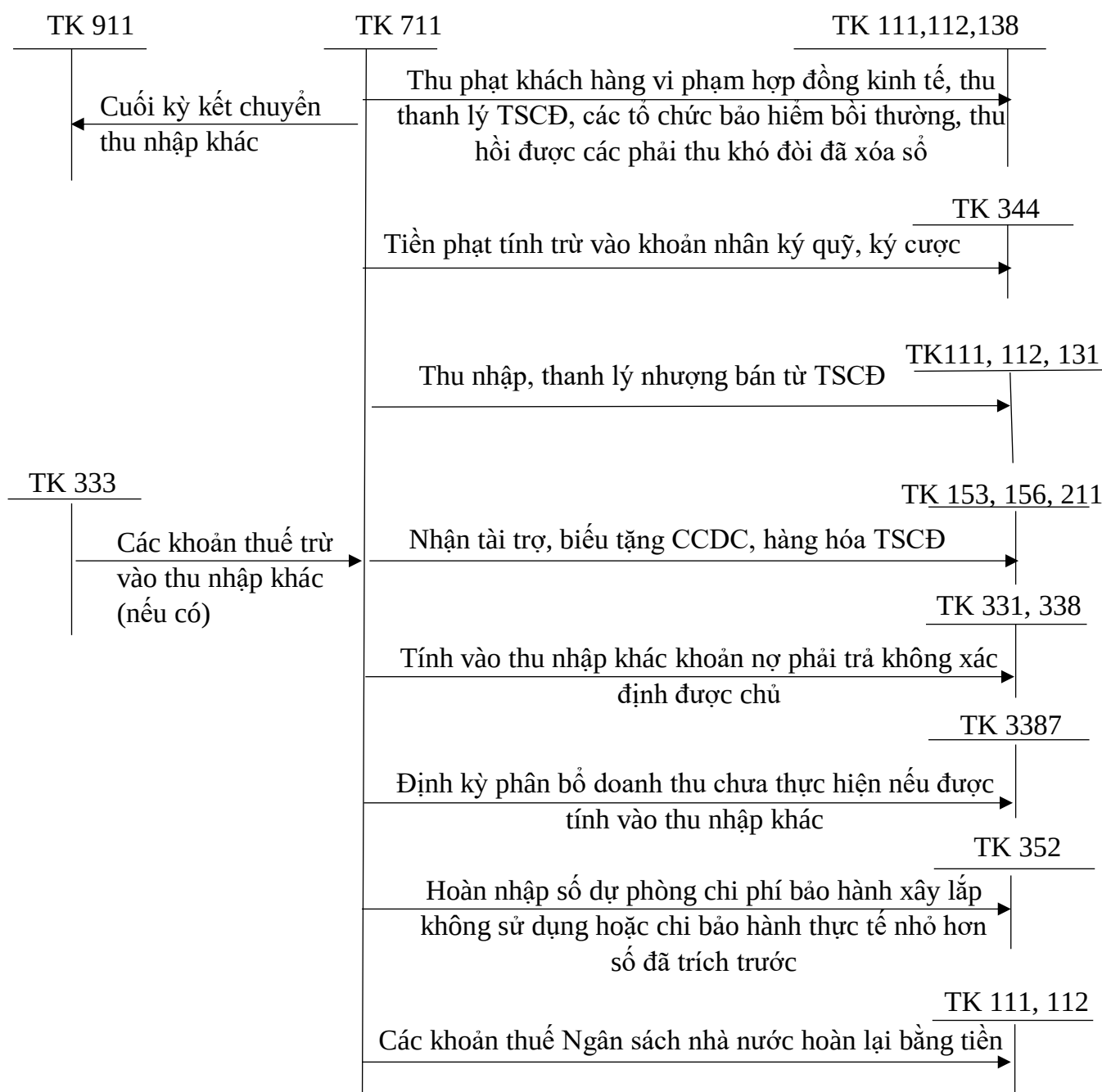
c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711- Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản:

TK 711	
-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. -Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.	-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ	

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3 Kế toán các khoản chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm sản xuất thì giá vốn là giá thành sản xuất, đối với sản phẩm hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm giá trị mua và chi phí mua phân bổ cho hàng tiêu dùng.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây

lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

Các phương pháp tính giá hàng xuất kho:

- Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp này xác định giá xuất kho dựa trên đơn giá nhập của lô hàng tương ứng.

Ưu điểm: Đây là phương pháp có độ chính xác cao nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa chi phí và doanh thu theo nguyên tắc kế toán. Nhờ đó, giá trị hàng tồn kho xuất bán được phản ánh chính xác, giúp doanh nghiệp đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh.

Nhược điểm: Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có ít loại hàng, giá trị hàng tồn kho lớn, mặt hàng ổn định và có thể nhận diện rõ ràng. Ngược lại, việc áp dụng phương pháp này đối với công ty có nhiều loại hàng hoá sẽ rất khó khăn.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này giả định hàng hóa được mua hoặc sản xuất trước sẽ được xuất trước, và giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước, tiếp tục tuần tự cho đến khi xuất hết.

Ưu điểm: Giúp xác định nhanh trị giá vốn hàng xuất kho, cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán và quản lý. Đồng thời, giá trị hàng tồn kho phản ánh khá sát với giá thị trường, làm cho báo cáo tài chính có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Doanh thu hiện tại có thể không phù hợp với chi phí hiện tại, vì hàng xuất ra có thể được mua từ lâu. Nếu doanh nghiệp có nhiều loại hàng hóa và nhập xuất thường xuyên, phương pháp sẽ này làm tăng khối lượng công việc và chi phí hạch toán.

- Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của hàng tồn kho đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ hoặc sau mỗi lần nhập, tùy theo tình hình doanh nghiệp.

- Đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ (cả kỳ dự trữ)

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được tính vào cuối kỳ. Kế toán xác định giá đơn vị bình quân dựa trên giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ, tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, việc dồn khối lượng tính toán vào cuối tháng có thể ảnh hưởng đến tiến độ công việc khác. Ngoài ra, phương pháp này không cung cấp thông tin kế toán kịp thời tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

➤ Đơn giá bình quân thời điểm sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và tính giá đơn vị bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Ưu điểm: Khắc phục hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, giúp phản ánh chính xác hơn giá trị hàng tồn kho.

Nhược điểm: Tính toán phức tạp, thực hiện nhiều lần, tốn nhiều công sức. Phương pháp này chỉ phù hợp với doanh nghiệp có ít loại hàng tồn kho và tần suất xuất nhập không quá lớn.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng
- Bảng kê xuất kho
- Biên bản giao nhận
- Sổ kho
- Các chứng từ liên quan khác

c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
 Kết cấu tài khoản: (Trường hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên)

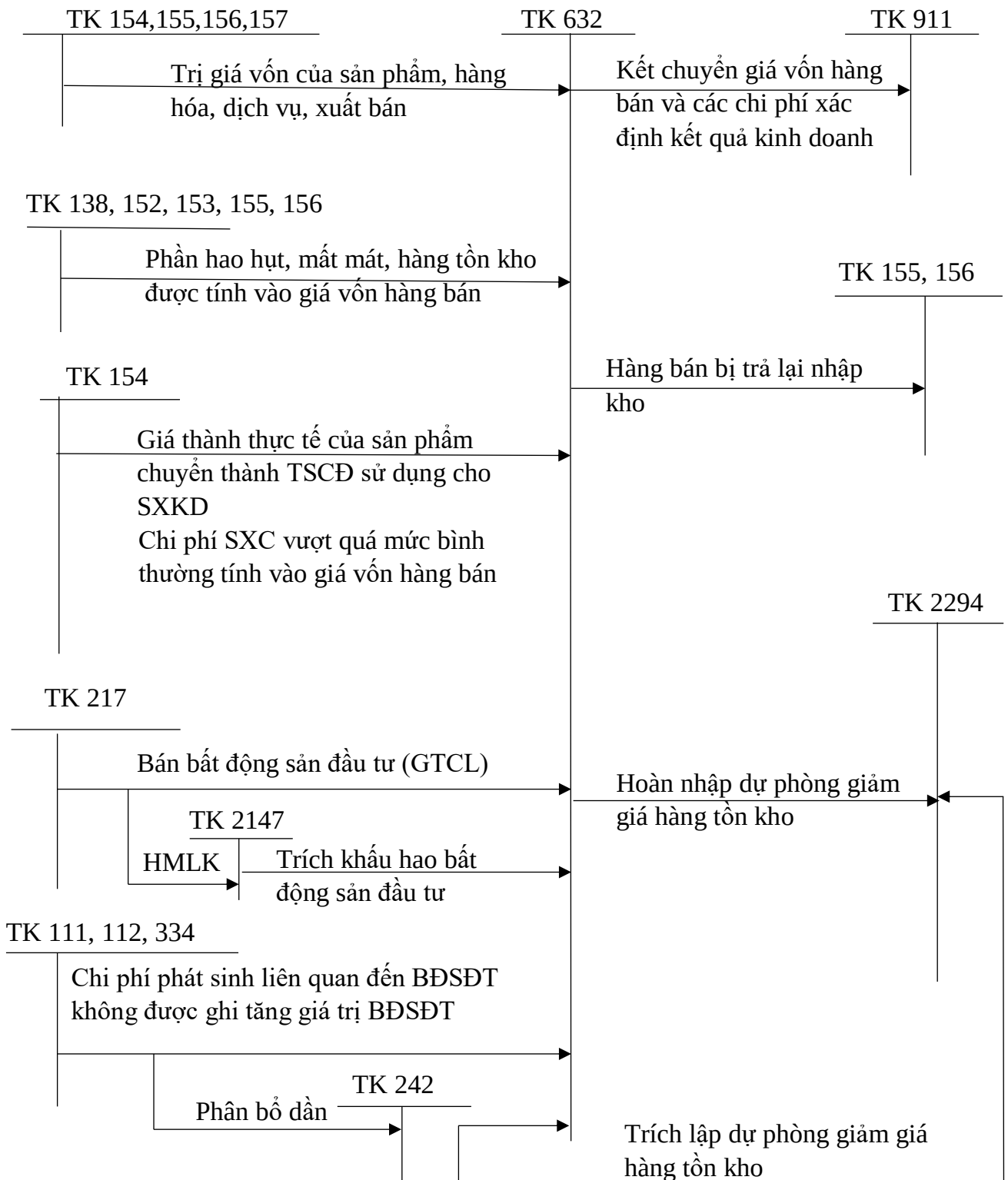
TK 632

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí NL, VL chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. -Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)	-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ -Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại
--	---

TK 632 – Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

d. Phương pháp hạch toán

- Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ ngân hàng
- Hợp đồng vay
- Bảng tính lãi vay
- Phiếu chi
- Chứng từ thanh toán

c. Tài khoản sử dụng

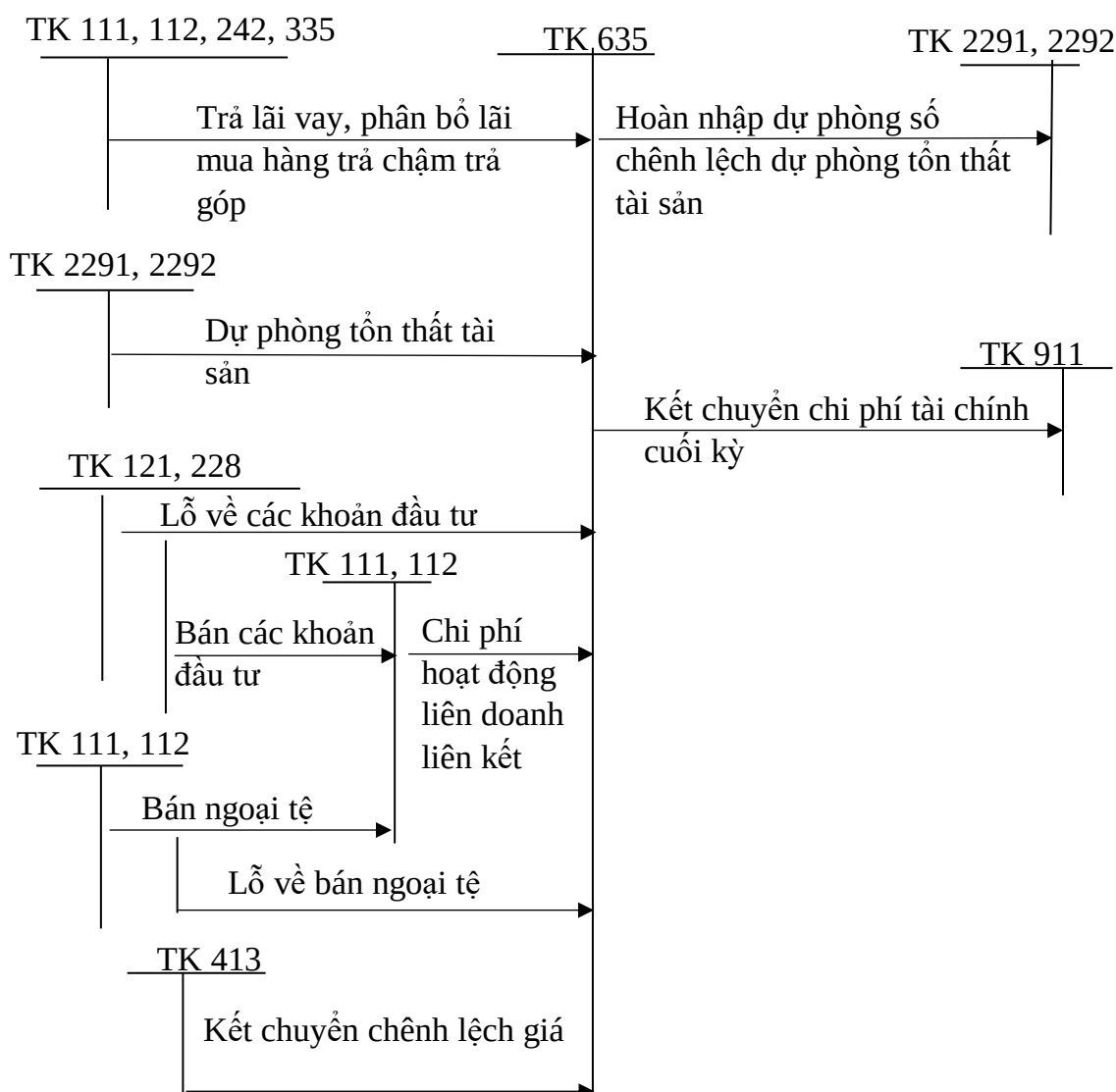
Để phản ánh chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản:

TK 635

Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ: - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác. (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này > số dự phòng đã lập kỳ trước).	-Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính -Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất ĐT vào ĐV khác. (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này < số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). -Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí TC phát sinh trong kỳ để xác định KQ HĐKD.
- TK 635 không có số dư cuối kỳ	

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ

phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,..); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

b. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán chi phí quản lý kinh doanh gồm:

- Hóa đơn GTGT / hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có

c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 642 có các tài khoản cấp 2:

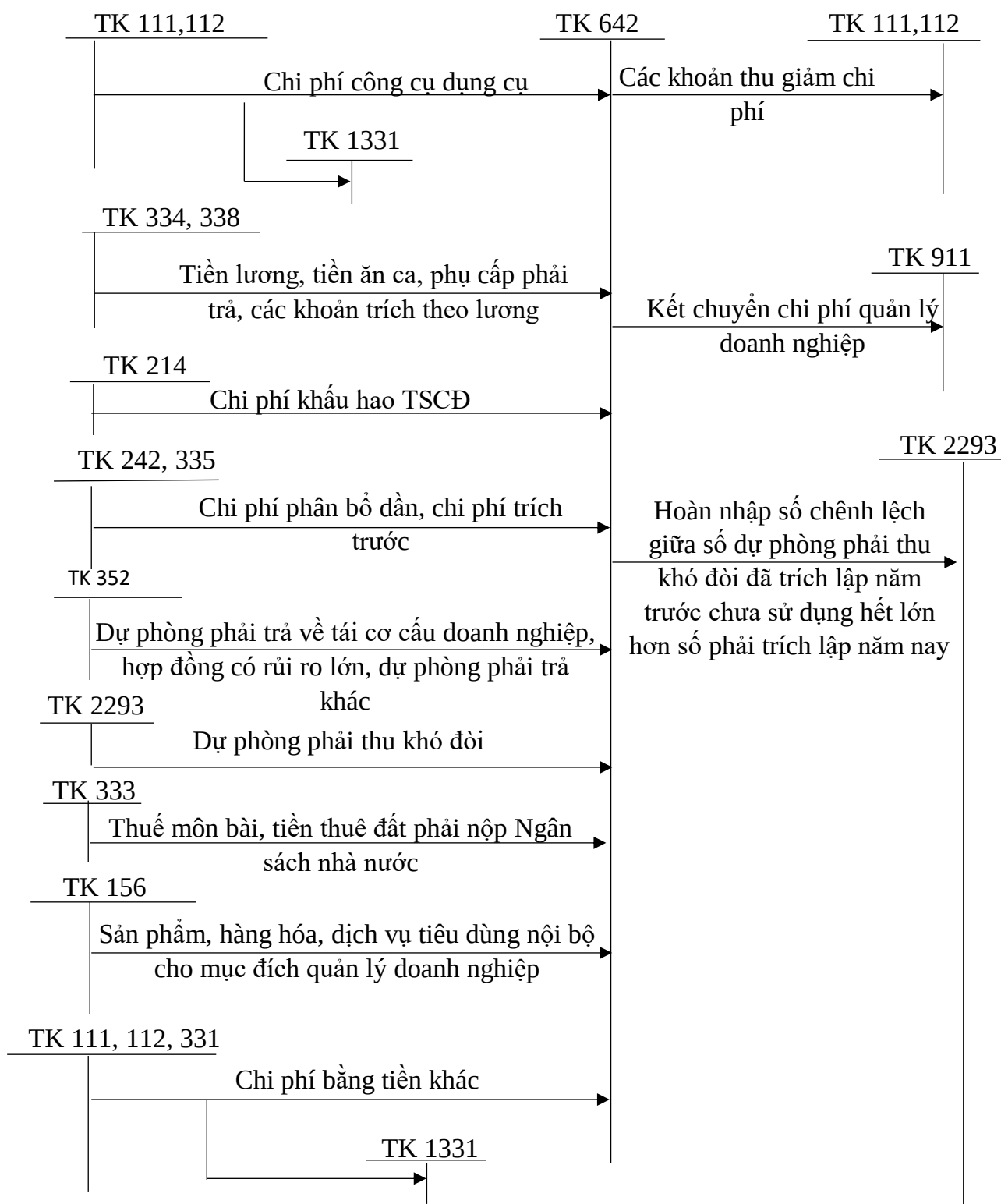
- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản:

TK 642	
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, Hóa đơn dịch vụ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, Giấy báo Nợ ngân hàng
- Quyết định xử phạt, biên bản vi phạm hành chính
- Các chứng từ khác liên quan

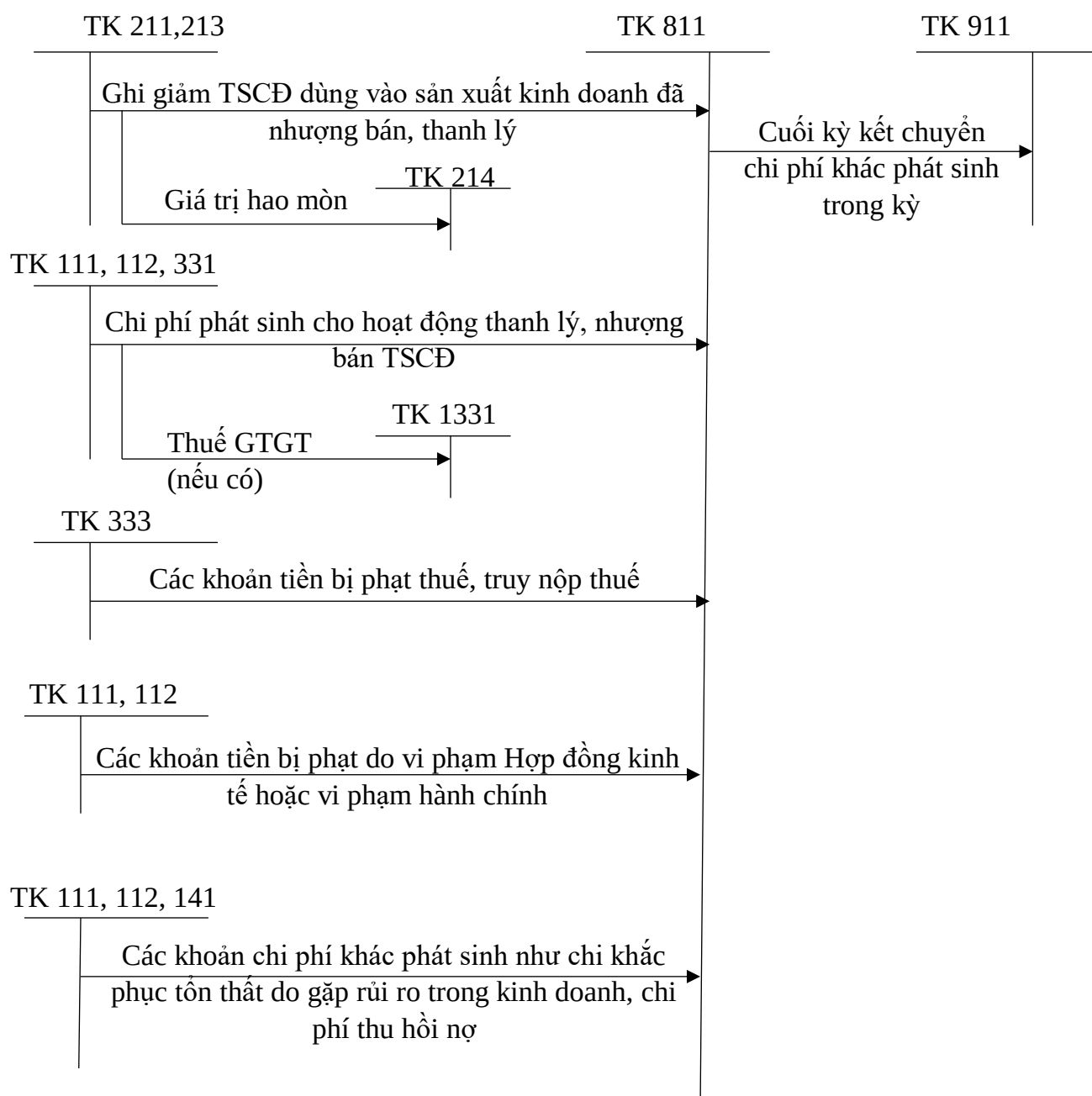
c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác
Kết cấu tài khoản:

TK 811	
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ, kết chuyển vào các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Tài khoản 811 – Chi phí khác không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Thuế TNDN} = [\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phân trích lập quỹ KH \& CN (nếu có)}] \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Khoản thu nhập chịu thuế} - (\text{Khoản thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định})$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế TNDN} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN
- Thông báo thuế TNDN phải nộp
- Biên lai nộp thuế TNDN
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

c. Tài khoản sử dụng

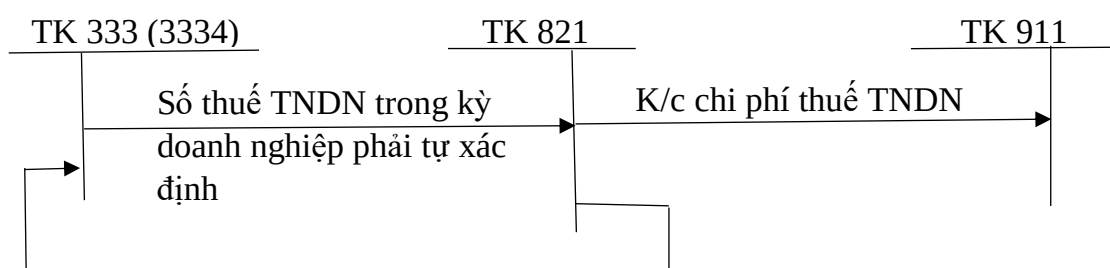
Để phản ánh các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911- "Xác định kết quả kinh doanh".

- TK 821 không có số dư cuối kỳ
- d. Phương pháp hạch toán



Số chênh lệch giữ thuế TNDN tạm phải nộp > số phải nộp

Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho

thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các công thức xác định các chỉ tiêu trên Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh:

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV = Doanh thu thuần BH và CCDV - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về BH&CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kết chuyển doanh thu thuần BH & CCDV, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác
- Phiếu kết chuyển giá vốn hàng bán
- Phiếu kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Phiếu kết chuyển chi phí tài chính, chi phí khác
- Phiếu xác định kết quả kinh doanh

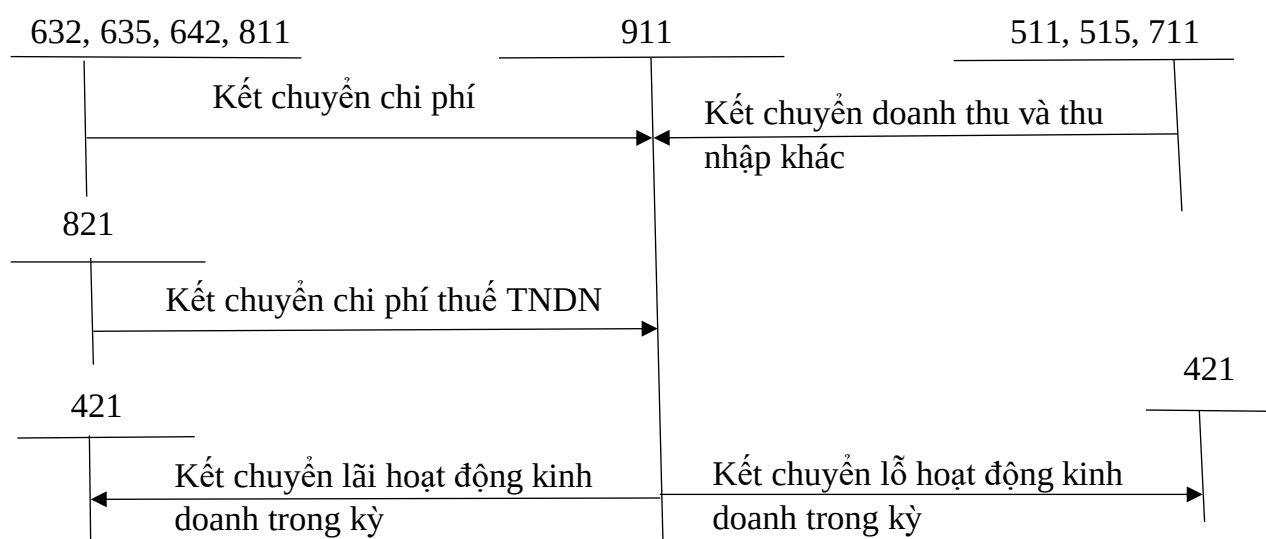
1.4.3. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản:

TK 911	
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

1.4.4. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Lisod

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

a. Thông tin chung

Tên đăng ký: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LISOD VIỆT NAM

Tên quốc tế: LISOD VIET NAM COMPANY LIMITED

Mã số thuế: 0108693303

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Thành – Giám đốc

Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản Phần mềm

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà FLC Landmark Tower · Ngõ 60 P. Dương Khuê, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Văn Phòng HCM: Tòa nhà Daily, 24C Phan Đăng Lưu, P7, Bình Thạnh, HCM

Văn phòng Đà Nẵng: 02 An Dương Vương, Bắc Mỹ Phú. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Số điện thoại: 0963935086

Website : <https://lisod.vn>

Mail: contact@lisod.vn

b. Lịch sử hình thành và phát triển

Trong năm 2018, khi thị trường Công nghệ thông tin tại Việt Nam còn rất mới mẻ và đầy tiềm năng, ông Nguyễn Tiến Thành - người sáng lập Công ty TNHH Lisod Việt Nam đã dành thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng về mô hình kinh doanh. Ông đã chấp cánh cho ý định thành lập một doanh nghiệp với mục tiêu phát triển ngành công nghệ thông tin.

Năm 2019, sau quãng thời gian dài nghiên cứu, ông Thành quyết định bước tiếp và chính thức thành lập Công ty TNHH Lisod Việt Nam vào ngày 11/04/2019. Phạm vi hoạt động của công ty bao gồm xuất bản phần mềm, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Ban đầu, doanh nghiệp chỉ có 6 nhân viên, nhưng tinh thần sáng tạo và quyết tâm phát triển của họ đã làm nền tảng cho sự thành công sắp tới.

Tiếp nối hành trình phát triển, trong năm 2020 và 2021, Lisod không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng. Nhờ vào sự chọn lọc kỹ càng và đào tạo chuyên sâu, Lisod đã có thể mở rộng hoạt động kinh

doanh của mình. Công ty mở thêm một chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và một văn phòng tại Nhật Bản. Đây là thời điểm đặc biệt khó khăn khi đại dịch Covid-19 đang lan rộng, nhưng Lisod vẫn kiên định vượt qua và bước vào thị trường quốc tế một cách tự tin.

Tháng 07/2023, Lisod tiếp tục mở thêm một chi nhánh tại Đà Nẵng, tạo ra một sự kết nối quan trọng giữa hai miền Nam và Bắc của Việt Nam. Số lượng nhân viên tại thời điểm này đã tăng lên 46 người. Đến năm 2025, số nhân sự đạt 55 người, một bước tiến đáng kể so với ngày thành lập.

Hiện tại, Lisod đã có tổng cộng 4 chi nhánh hoạt động, bao gồm một chi nhánh tại Hà Nội, một tại TP. Hồ Chí Minh, một tại Đà Nẵng và một tại Nhật Bản. Quy mô nhân sự đạt 62 người, một con số ấn tượng cho sự phát triển nhanh chóng của công ty. Lisod dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động trong cuối năm nay, tạo ra các giá trị thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và kết nối trên toàn thế giới nhanh nhất.

c. Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH Lisod Việt Nam không chỉ là một doanh nghiệp hoạt động đa lĩnh vực mà còn là điểm đến lý tưởng cho các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến. Điều đặc biệt ở Lisod là họ không chỉ tập trung vào việc cung cấp phần mềm mà còn khai thác sức mạnh của lập trình máy tính và tư vấn quản trị hệ thống máy tính để bảo đảm hiệu quả và an ninh cho doanh nghiệp.

- Lisod không ngừng nỗ lực để sáng tạo và phân phối các ứng dụng đa dạng, từ giải pháp doanh nghiệp đến ứng dụng di động. Họ tập trung vào việc xây dựng giao diện thân thiện và tính năng đa dạng, nhằm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho người dùng cuối.

- Dịch vụ lập trình máy tính: Lisod được đánh giá cao nhờ vào đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và chuyên môn. Họ cam kết mang đến các giải pháp tùy chỉnh, phù hợp với mọi yêu cầu cụ thể của khách hàng.

- Không chỉ dừng lại ở đó, Lisod còn cung cấp dịch vụ tư vấn quản trị hệ thống máy vi tính, giúp doanh nghiệp xây dựng và duy trì hệ thống CNTT an toàn, ổn định và hiệu quả. Bằng cách này, Lisod không chỉ là một nhà cung cấp dịch vụ công nghệ mà còn là đối tác đáng tin cậy trong hành trình phát triển của các doanh nghiệp.

- Xây dựng và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo: Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ đang diễn ra nhanh chóng, Lisod không ngừng tìm kiếm và áp dụng những công nghệ mới nhất, từ trí tuệ nhân tạo đến blockchain, từ big data đến IoT (Internet of Things), nhằm đem lại giải pháp toàn diện và hiệu quả nhất cho khách hàng.

Với tinh thần không ngừng sáng tạo và học hỏi, Lisod không chỉ là một đối tác tin cậy mà còn là một đồng minh đáng kính trọng trong hành trình chinh phục thách thức và đạt được thành công trong thế giới kinh doanh ngày nay. Điều này giúp Lisod khẳng định vị thế của mình không chỉ là một công ty công nghệ thông tin mà còn là một động lực thú vị trong cảm hứng và tiên bộ của ngành công nghiệp.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

a. Chức năng

Chức năng của Công ty TNHH Lisod Việt Nam được xác định là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, với trọng tâm là xuất bản phần mềm, phát triển các ứng dụng phục vụ doanh nghiệp và người dùng, cũng như cung cấp dịch vụ lập trình theo yêu cầu.

Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện chức năng tư vấn và quản trị hệ thống công nghệ thông tin, giúp các tổ chức xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống một cách an toàn, ổn định và hiệu quả. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ truyền thống, Lisod Việt Nam còn chú trọng nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT), nhằm mang đến các giải pháp công nghệ toàn diện, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đồng thời, công ty cũng thực hiện chức năng kinh doanh và phát triển thị trường thông qua việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng phạm vi hoạt động và xây dựng thương hiệu trên cả thị trường trong nước và quốc tế. Song song với đó, các chức năng quản lý nội bộ như quản trị nhân sự, tài chính – kế toán và điều hành hoạt động kinh doanh được tổ chức chặt chẽ, góp phần đảm bảo doanh nghiệp vận hành hiệu quả và phát triển bền vững.

b. Nhiệm vụ

Bên cạnh các chức năng nêu trên, Công ty TNHH Lisod Việt Nam còn có những nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả và đúng định hướng phát triển.

Trước hết, công ty có nhiệm vụ tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ công nghệ thông tin theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Đồng thời, doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải tiến công nghệ và tối ưu hóa quy trình làm việc nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh. Công ty cũng có nhiệm vụ quản lý và sử dụng hiệu quả các

nguồn lực như vốn, tài sản, nhân lực; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

Bên cạnh đó, Lisod Việt Nam cần chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có nhiệm vụ mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, phát triển thị trường, nâng cao uy tín và vị thế cạnh tranh. Cuối cùng, công ty cần đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

a. Lĩnh vực hoạt động

Công ty TNHH Lisod hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, với ngành nghề kinh doanh chính là xuất bản phần mềm, cung cấp dịch vụ lập trình máy tính và các dịch vụ liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty không chỉ tập trung vào việc xây dựng các sản phẩm phần mềm mà còn mở rộng hoạt động sang tư vấn, triển khai và quản trị hệ thống công nghệ cho các doanh nghiệp.

Trước hết, lĩnh vực hoạt động quan trọng nhất của công ty là phát triển và xuất bản phần mềm. Công ty chuyên nghiên cứu, thiết kế và xây dựng các phần mềm phục vụ nhu cầu quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các sản phẩm phần mềm của công ty bao gồm phần mềm quản lý nội bộ, phần mềm quản lý khách hàng, hệ thống quản trị doanh nghiệp, ứng dụng trên nền tảng website và ứng dụng di động. Các sản phẩm này được thiết kế theo hướng tối ưu hóa hiệu quả quản lý, nâng cao khả năng kết nối và đáp ứng đúng nhu cầu thực tế của khách hàng. Bên cạnh đó, công ty còn chú trọng phát triển giao diện thân thiện, dễ sử dụng và tích hợp nhiều tính năng nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng.

Ngoài hoạt động phát triển phần mềm, công ty còn cung cấp dịch vụ lập trình máy tính theo yêu cầu. Đây là lĩnh vực mang tính đặc thù, trong đó công ty tiếp nhận nhu cầu riêng của từng khách hàng, tiến hành khảo sát, phân tích và xây dựng các giải pháp công nghệ phù hợp. Với đội ngũ kỹ sư và lập trình viên có trình độ chuyên môn cao, công ty có khả năng triển khai nhiều loại dự án khác nhau, từ các ứng dụng quy mô nhỏ đến các hệ thống quản trị có tính phức tạp cao. Dịch vụ lập trình của công ty không chỉ đáp ứng yêu cầu về chức năng mà còn bảo đảm tính ổn định, khả năng mở rộng và bảo mật của hệ thống.

Bên cạnh đó, công ty còn hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và quản trị hệ thống công nghệ thông tin. Công ty cung cấp cho khách hàng các giải pháp liên quan đến xây dựng, vận hành và bảo trì hệ thống máy tính, hệ thống mạng và cơ sở dữ liệu.

Hoạt động này giúp doanh nghiệp duy trì hệ thống công nghệ thông tin ổn định, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý. Đồng thời, công ty cũng hỗ trợ khách hàng trong việc đánh giá, cải tiến và nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Ngoài các lĩnh vực truyền thống, công ty còn đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (big data) và Internet vạn vật (IoT). Đây là những lĩnh vực có tiềm năng phát triển lớn trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Việc đầu tư vào các công nghệ mới không chỉ giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn tạo điều kiện để cung cấp cho khách hàng những giải pháp hiện đại, toàn diện và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường.

b. Quy trình kinh doanh

Về quy trình kinh doanh, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lisod Việt Nam được tổ chức theo một quy trình tương đối chặt chẽ, bắt đầu từ việc tìm kiếm khách hàng cho đến khi hoàn thành việc bàn giao và chăm sóc sau bán hàng.

Trước tiên, công ty tiến hành nghiên cứu thị trường và tìm kiếm khách hàng tiềm năng thông qua hoạt động của Phòng Marketing và Phòng Kinh doanh. Các bộ phận này có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ, đồng thời tiếp cận các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng giải pháp công nghệ thông tin. Sau khi tiếp cận khách hàng, công ty tiến hành trao đổi, khảo sát nhu cầu và xác định các yêu cầu cụ thể của từng đối tượng khách hàng.

Tiếp theo, căn cứ vào nhu cầu thực tế của khách hàng, công ty thực hiện tư vấn và đề xuất giải pháp phù hợp. Nội dung tư vấn bao gồm loại phần mềm, chức năng, quy mô hệ thống, thời gian thực hiện và chi phí dự kiến. Sau khi hai bên thống nhất về phương án triển khai, công ty tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng. Hợp đồng là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện dự án.

Sau khi ký hợp đồng, Phòng Công nghệ Thông tin sẽ tiếp nhận yêu cầu và tiến hành phân tích chi tiết nội dung dự án. Trên cơ sở đó, bộ phận kỹ thuật xây dựng kế hoạch thực hiện, thiết kế hệ thống và lựa chọn công nghệ phù hợp. Đây là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng, quyết định chất lượng và hiệu quả của sản phẩm cuối cùng.

Khi phương án thiết kế được phê duyệt, đội ngũ kỹ thuật tiến hành lập trình, xây dựng phần mềm và triển khai các chức năng theo yêu cầu. Trong quá trình này, công ty thường xuyên kiểm tra, chạy thử và hiệu chỉnh để phát hiện, khắc phục kịp

thời các lỗi phát sinh. Việc kiểm thử được thực hiện nhiều lần nhằm bảo đảm sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, tính bảo mật và hiệu suất hoạt động.

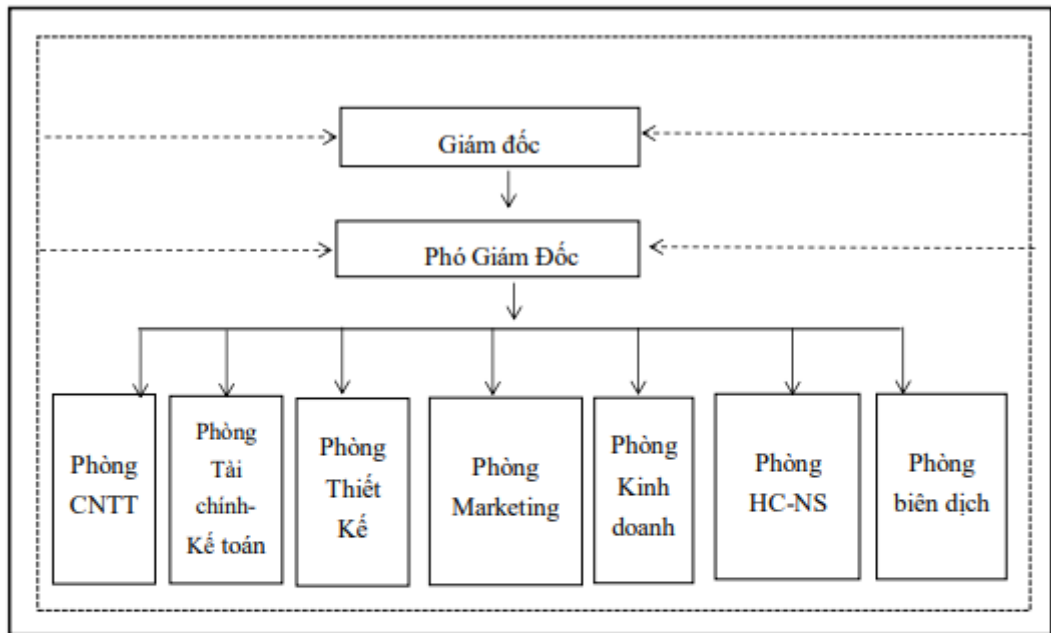
Sau khi hoàn thiện sản phẩm, công ty thực hiện bàn giao cho khách hàng. Nội dung bàn giao bao gồm việc cài đặt hệ thống, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao tài liệu kỹ thuật và hỗ trợ vận hành trong giai đoạn đầu. Đối với những dự án có quy mô lớn, công ty còn cử nhân sự trực tiếp hỗ trợ tại đơn vị khách hàng để bảo đảm hệ thống vận hành ổn định.

Cuối cùng, sau khi kết thúc quá trình triển khai, công ty tiếp tục thực hiện các dịch vụ hậu mãi như bảo trì, bảo hành, nâng cấp phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật. Đây là giai đoạn giúp công ty duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng, đồng thời tạo điều kiện để tiếp tục khai thác nhu cầu mới trong tương lai. Quy trình kinh doanh khép kín từ khâu tiếp cận khách hàng đến chăm sóc sau bán hàng đã góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả hoạt động của công ty trên thị trường.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

a. Sơ đồ tổ chức

Trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Lisod Việt Nam, mỗi phòng ban đóng vai trò rất quan trọng. Các phòng ban này chịu trách nhiệm với một loạt các nhiệm vụ quan trọng, đóng góp vào sự phát triển toàn diện của công ty.



— Hình 1.1 Biểu diễn quan hệ trực tuyến

--- Hình 1.2 Biểu diễn quan hệ chức năng

□ Hình 1.3 Biểu diễn phòng ban trong công ty

↓ Hình 1.4 Biểu diễn cấp bậc trong công ty

(Nguồn: Phòng Hành chính-Nhân sự – Công Ty TNHH Lisod Việt Nam)

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

b. Chức năng từng bộ phận

Giám đốc là người đứng đầu công ty, có vai trò lãnh đạo và định hình chiến lược và hướng phát triển của Lisod. Ông chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc đưa ra quyết định lớn và định hình tương lai của công ty, được hỗ trợ bởi Phó Giám Đốc trong các nhiệm vụ quản lý hàng ngày.

Phòng Hành chính - Nhân sự là trụ cột của sự phát triển của công ty, đảm bảo việc tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Đây cũng là phòng ban mang về nguồn nhân sự chất lượng và hiệu quả trong công tác quản trị lực lượng bán hàng cho Lisod

Phòng Công nghệ Thông tin không chỉ chịu trách nhiệm phát triển sản phẩm mà còn đảm bảo hạ tầng CNTT hoạt động mạnh mẽ và ổn định, từ hệ thống mạng đến ứng dụng CNTT phục vụ mục tiêu nghiên cứu, xây dựng và phát triển phần mềm

Phòng Marketing là cầu nối giữa công ty và thị trường, xây dựng thương hiệu và đưa sản phẩm gần hơn đến khách hàng, dựa trên nghiên cứu thị trường kỹ lưỡng và phân tích hành vi khách hàng.

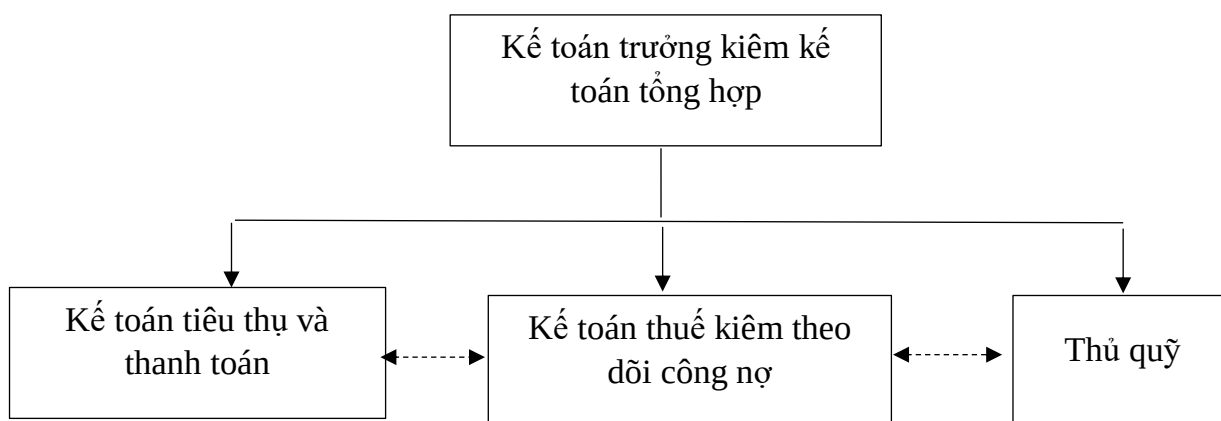
Phòng Kinh Doanh không ngừng tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới và xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng, đồng thời đảm bảo rằng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng đúng nhu cầu và mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng.

Cuối cùng, Phòng Tài chính – Kế toán chịu trách nhiệm về quản lý tài chính của công ty, đảm bảo việc quản lý lương, thanh toán và giao dịch diễn ra minh bạch và hiệu quả.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa các bộ phận không chỉ giúp Lisod Việt Nam duy trì sự mạnh mẽ mà còn là điểm đặc biệt giúp công ty tiếp tục phát triển và thành công.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam

Ghi chú: —————> : Quan hệ chỉ đạo

◄-----> : Quan hệ chức năng

- **Kế toán trưởng:** Người chịu trách nhiệm chung toàn bộ cho công tác kế toán. Kiểm tra, giám sát các chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động, tham mưu cho giám đốc về công tác kế toán tại đơn vị. Đồng thời, theo dõi, lập, nộp, kiểm tra báo cáo tài chính, các báo cáo hàng quý, năm, theo dõi công tác kê khai, quyết toán, nộp các loại thuế: GTGT, TNCN, TNDN phát sinh tại công ty.

- **Kế toán tiêu thụ và thanh toán:** Bán hàng, hạch toán, phát hành hoá đơn, lập phiếu xuất, theo dõi và thanh toán các khoản chi phí phát sinh bán hàng, số lượng hàng bán theo ngày. Cuối tháng, tổng hợp nhập xuất tồn và tình hình hoạt động bán hàng báo cáo cuối kỳ kế toán.

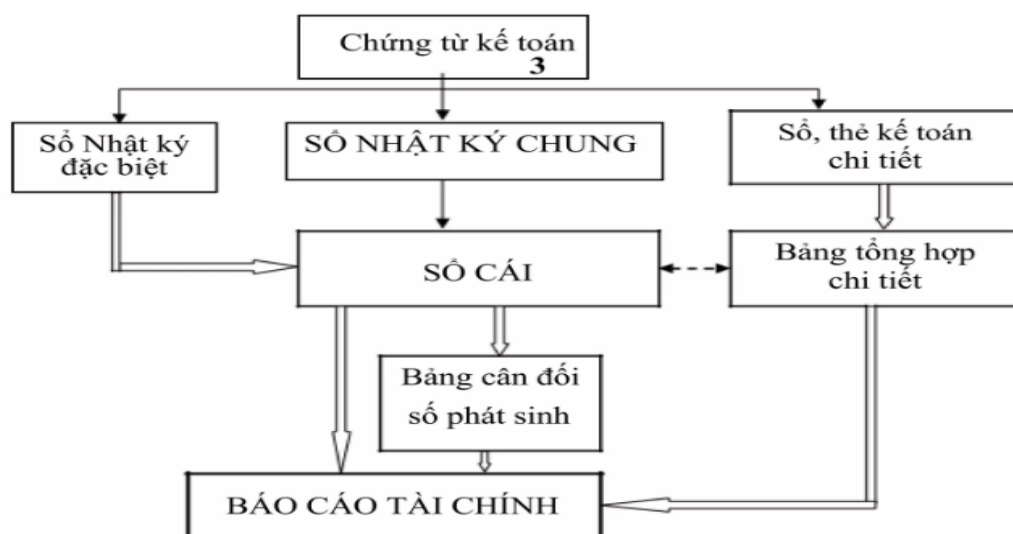
- **Kế toán thuế kiêm công nợ:** Lập các tờ khai thuế, các thủ tục giấy tờ cần thiết và báo cáo thuế. Theo dõi các khoản nợ phát sinh, phải trả cho khách hàng, nhà cung cấp, công nhân viên. Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến các chứng từ chi tiền bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản khi có các nhu cầu thanh toán trong công ty. Thu hồi công nợ đối với khách hàng theo dõi tiền gửi vào ngân hàng và đốc thúc các khoản phải thu khách hàng.

- **Thủ quỹ:** Theo dõi tình hình thu chi hằng ngày và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ, đối chiếu với kế toán công nợ để tiến hành xuất, nhập quỹ, lập phiếu thu, phiếu chi.

- Hình thức sổ kế toán được áp dụng

Để công tác kế toán trở nên thuận tiện, nhanh chóng. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung” và áp dụng phần mềm MISA SME.2023 giúp cho việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, theo dõi các phân hành, các tài khoản và lập báo cáo tài chính trở nên dễ dàng, nhanh gọn.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”:

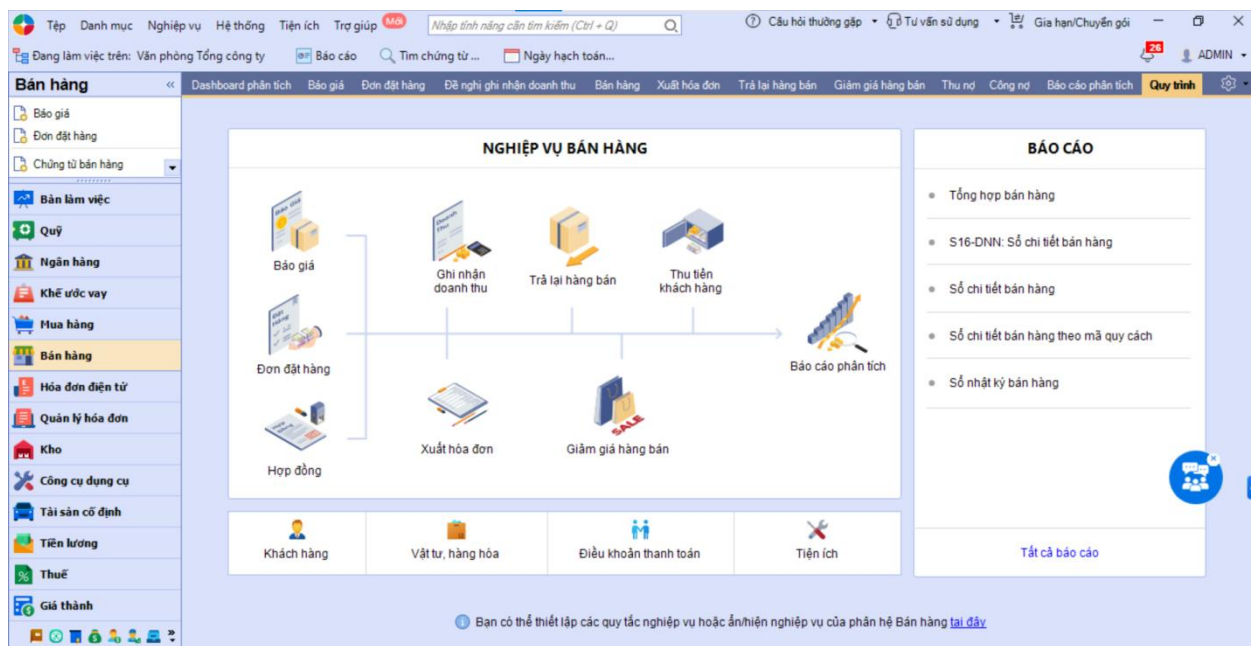


Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$
- Phần mềm kế toán được sử dụng

Phần mềm công ty sử dụng: Công ty sử dụng phần mềm kế toán Misa SME 2023 để ghi chép kế toán.



Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Misa SME 2023

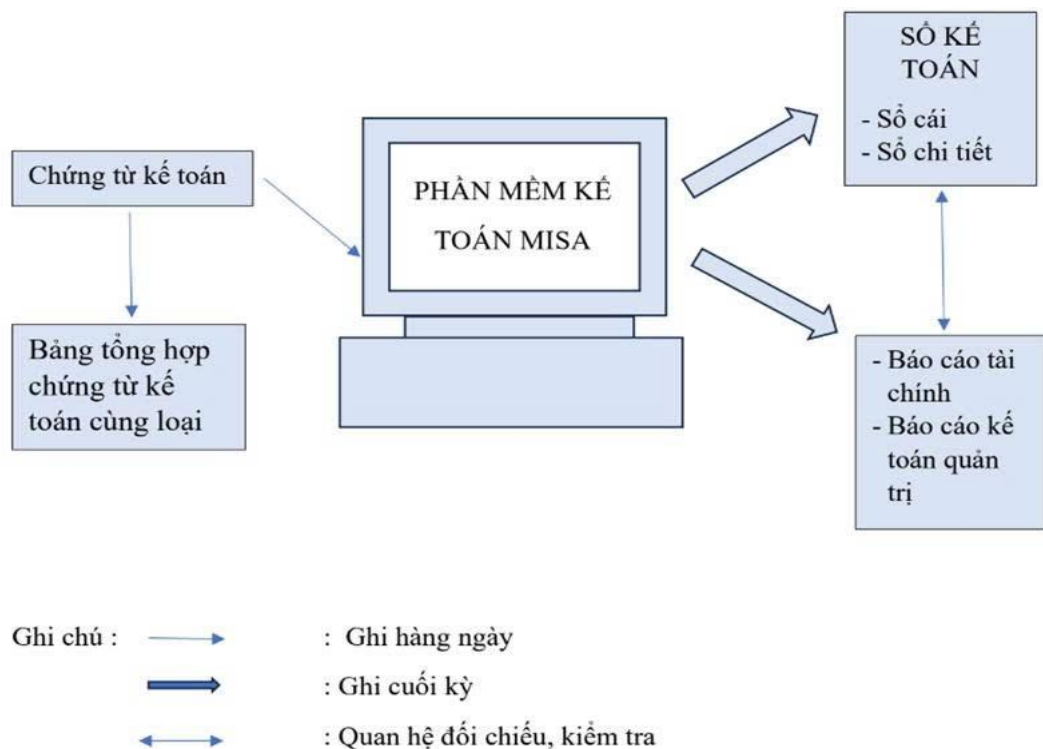
Hàng ngày, kế toán phải dựa vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra về sự hợp lý, hợp lệ để dùng làm căn cứ ghi sổ. Thông qua các chứng từ đó, kế toán xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để tiến hành nhập liệu trên chứng từ vào máy tính theo đúng các bảng, biểu đã được thiết kế sẵn trên phần mềm.

Sau đó những thông tin kế toán đã được kế toán nhập vào máy tính sẽ được tự động cập nhật vào các sổ liên quan như sổ kế toán tổng hợp, các sổ, thẻ chi tiết theo đúng quy trình đã được thiết lập trong phần mềm.

Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào, kế toán sẽ tiến hành các công việc liên quan đến việc khóa sổ, cộng sổ và lập báo cáo tài chính. Quá trình kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái và các bảng tổng hợp chi tiết được phần mềm kế toán thực hiện tự động, đảm bảo tính chính xác và trung thực theo dữ liệu đã được nhập trong kỳ. Ngoài ra, kế toán viên có thể chủ động kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy để đảm bảo tính chính xác của thông tin. Sau đó, báo cáo tài chính sẽ được in theo đúng quy định.

Vào cuối tháng hoặc cuối năm, kế toán sẽ thực hiện in sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết ra giấy, đóng thành quyển để lưu trữ. Cuối cùng, các thủ tục liên quan đến sổ kế toán ghi bằng tay sẽ được hoàn tất theo quy định.

Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm Misa như sau:



Sơ đồ 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Misa

- Chế độ và chính sách kế toán áp dụng
 - Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH Lisod Việt Nam áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016).
 - Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
 - Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).
 - Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ thuế GTGT.
 - Phương pháp hạch toán HTK: Phương pháp kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp tính giá trị HTK: Phương pháp bình quân cuối kỳ.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Lisod

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

- Khái niệm doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam phát sinh chủ yếu từ hoạt động cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty, doanh thu bao

gồm doanh thu từ hoạt động xuất bản phần mềm, lập trình phần mềm theo yêu cầu, tư vấn và quản trị hệ thống công nghệ thông tin, triển khai các giải pháp công nghệ, bảo trì và nâng cấp phần mềm.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện: doanh nghiệp đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng; doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch; xác định được phần công việc đã hoàn thành và các chi phí liên quan.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tại công ty

Đối với Công ty TNHH Lisod Việt Nam, doanh thu được ghi nhận tại thời điểm công ty hoàn thành việc bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, hai bên ký biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao và công ty đã lập hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định. Đối với các hợp đồng dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận theo phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

b. Chứng từ sử dụng

Để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

- Hợp đồng kinh tế ký kết với khách hàng;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
- Biên bản bàn giao sản phẩm, dịch vụ;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu thu;
- Giấy báo Có của ngân hàng;
- Các chứng từ thanh toán khác có liên quan.

Khi phát sinh nghiệp vụ cung cấp dịch vụ, bộ phận kinh doanh và bộ phận kỹ thuật tiến hành lập biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao khối lượng công việc hoàn thành. Sau khi khách hàng xác nhận, kế toán căn cứ vào các chứng từ trên để lập hóa đơn GTGT và ghi nhận doanh thu.

c. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ, doanh nghiệp chỉ sử dụng tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, không sử dụng thêm bất kỳ tài khoản nào khác.

Các tài khoản liên quan: TK 3331, TK 131, TK 1111, TK 1211

d. *Ví dụ thực tế tại công ty*

- Minh hoạ nghiệp vụ phát sinh

Sau khi kế toán lập hoá đơn và gửi về cơ quan thuế thì ta có hoá đơn sau:

Ví dụ 1: Ngày 16/08/2025, Công ty TNHH LISOD Việt Nam thu tiền cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý bán hàng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Kokasi theo HĐ GTGT số 1052411, tổng giá thanh toán là 5.975.696 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%).

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)
(INVOICE DISPLAY VERSION)

Số (No.): 1052411

Số tài khoản (*Bank A/C*):

Mã nhận hóa đơn (Code for checking): **GHRTSLTODF** tra cứu tại
(Tracking): <https://tracuuhoadon.lisod.vn>
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn / Need to
check, compare when making, delivering, receiving invoice)

Hình 2.2: Hoá đơn GTGT số 1052411

Căn cứ vào hóa đơn 1052411 và khoản tiền khách hàng thanh toán, kế toán tiến hành lập phiếu thu.

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM
Tầng 2 tòa nhà FLC Landmark Tower – phường Từ Liêm - HN

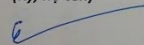
Mẫu số 01 - TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC)

PHIẾU THU
Ngày 16 tháng 08 năm 2025

Quyển số: 02
Số: PT001
Ng: 111
Cố: 511, 333

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN DUỆC PHẠM KOKASI
Địa chỉ: Số 19 TT5.2 Khu chức năng Đô thị Ao Sào, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam
Lý do nộp: thu tiền sử dụng dịch vụ phần mềm quản lý bán hàng
Số tiền: 5.975.696 VND (Viết bằng chữ:)
Kèm theo: HD GTGT số 260145 Chứng từ gốc:

Ngày 16 tháng 08 năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
 Nguyễn Văn Mạnh	Bích Trần Thị Bích		Lưu Lê Thị Liên	

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng
+ Tỷ giá ngoại tệ
+ Số tiền quy đổi
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình 2.3: Phiếu thu ngày 16 tháng 08 năm 2025

Ví dụ 2: Ngày 11/10/2025, Công ty TNHH Lisod Việt Nam bán hàng cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Linh theo hoá đơn số 1067922 với giá trị là 30.000.000 VNĐ chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế GTGT áp dụng là 10%, tổng tiền thanh toán đã bao gồm thuế là 33.000.000 VNĐ (đã thanh toán bằng tiền mặt)

(VAT INVOICE)

(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

(EINVOICE DISPLAY VERSION)

Số (No.): 1067922

Mã số thuế (Tax code): 0108693303

Điện thoại (Tel):

Fax:

Số tài khoản (Bank A/C):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI LINH

Mã số thuế (Tax code): 0104842402

Địa chỉ (Address): Khách lẻ không cung cấp địa chỉ

Hình thức thanh toán (*Payment method*): TM/CK

Số tài khoản (*Bank A/C*):

		Cộng tiền hàng (<i>Sub total</i>):	30.000.000
Thuế suất GTGT (<i>VAT rate</i>):	10%	Tiền thuế GTGT (<i>VAT amount</i>):	3.000.000
		Tổng tiền thanh toán (<i>Total of payment</i>):	33.000.000

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*): **Ba mươi ba triệu đồng**

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-Signature, Digital signature)

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LISOD
VIỆT NAM

Ký ngày: 11/10/2025

Mã nhận hóa đơn (Code for checking): **GHRTSLTODF** tra cứu tại
(Tracking): <https://tracuuhoaddon.lisod.vn>

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn / Need to check, compare when making, delivering, receiving invoice)

44

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1067922 kế toán thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán cụ thể như sau:

Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước - Tiền mặt - Văn phòng Tổng công ty

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Lập phiếu xuất Nạp Tiền tích Mẫu In Gửi email, Zalo Giúp Đóng

Chứng từ bán hàng 1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho ☒ Lập kèm hóa đơn

Nhập số báo giá ☐ Chưa thu tiền ☒ Thu tiền ngay Tiền mặt

Phiếu thu **Phiếu xuất** **Hóa đơn** **ĐÁ LẬP HÓA ĐƠN** ☐ KT tình trạng hoạt động DN

Thông tin chung

Khách hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI LINH

Người nộp:

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI LINH theo hóa đơn 290

NV bán hàng: Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: XK01656 01GTX0/001-1C25TDA-290

Chứng từ

Ngày hạch toán: 11/10/2025

Ngày chứng từ: 11/10/2025

Số phiếu thu: 1067922

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK tiền/chí phí	TK doanh thu	Mã quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết
Phí thuê phần mềm b	Phí thuê phần mềm quản lí bán hàng Lit	1111	51111		VND	1.00	30.000.000.00	30.000.000	0.00	
Phí thuê máy Pos (1	Phí thuê máy Pos (1 năm)	1111	51111		VND	1.00	0.00	0	0.00	
Số dòng = 2						2.00		30.000.000		

Phân bổ chiết khấu... Xem công nợ

Tổng tiền hàng 30.000.000 **Tiền thuế GTGT** 3.000.000

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 33.000.000

Hình 2.3: Giao diện chứng từ bán hàng trên phần mềm Misa SME 2023

Sổ Cái TK 511

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
02/01/2025	PT00831	02/01/2025	Thu tiền sử dụng phần mềm theo hoá đơn 158240			1111		1,790,000
13/01/2025	PT00832	13/01/2025	Thu tiền sử dụng phần mềm theo hóa đơn 172439			1111		1,880,000
.....								
14/07/2025	NVK01716	14/07/2025	Thu phí thuê phần mềm theo hoá đơn 1792231			131		25,700,000
16/08/2025	NVK01720	16/08/2025	Thu tiền sử dụng dịch vụ phần mềm theo hoá đơn 260145			131		5.532.126
.....								
11/10/2025	PT01728	11/10/2025	Thu phí thuê phần mềm theo hoá đơn 1067922			131		30.000.000
20/11/2025	PT01729	20/11/2025	Thu tiền sử dụng phần mềm theo hoá đơn số 1267382			131		83,825,173
.....								
20/12/2025	PT01730	20/12/2025	Thu tiền sử dụng phần mềm theo hoá đơn 289128			131		20,000,000
31/12/2025	NVK00403	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu			911	62,245,879,454	
			- Cộng số phát sinh				62,245,879,454	62,245,879,454
			- Số dư cuối kỳ					

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung các khoản giảm trừ

Công ty không hỗ trợ em số liệu liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu. Do đó em xin phép không trình bày kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH LISOD trong bài.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung doanh thu tài chính

Khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh thường xuyên nhất tại công ty là lãi tiền gửi ngân hàng do số dư tiền gửi thanh toán tại ngân hàng tương đối lớn.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Giấy báo Có của ngân hàng;
- Sổ phụ ngân hàng.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Chi tiết tài khoản 5154.
- Sổ cái tài khoản 515.

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tài khoản chi tiết 5154 - Lãi bán hàng trả chậm, trả góp.

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Ngày 08/10/2025, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 580.010 VNĐ. Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng, kế toán ghi sổ Nhật ký chung:

 ACB ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU	GIẤY BÁO CÓ Ngày 08/10/2025	Mã GDV: NTH SỐ GD: 00500 Giờ: 15:11:01
CN Hà Nội		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM		
Mã số thuế: 0108693303		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 1020100990549		
Số tiền bằng số: 580.010		
Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi nghìn không trăm mười đồng.		
Nội dung: Lãi tiền gửi.		
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT	

Hình 2.6: Giấy báo có ngày 08/10/2025

SỔ CÁI TK 515

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Mẫu số: S03b-DNN

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
15/01/2025	GBC112	15/01/2025	Lãi tiền gửi			1121		234,325
25/03/2025	GBC136	25/03/2025	Lãi tiền gửi			1121		116,460
.....								
13/05/2025	GBC147	13/05/2025	Lãi tiền gửi			1121		191,755
15/06/2025	GBC155	15/06/2025	Lãi tiền gửi			1121		125,937
25/08/2025	GBC167	25/08/2025	Lãi tiền gửi			1121		212,682
.....								
05/09/2025	GBC198	05/09/2025	Lãi tiền gửi			1121		120,320
08/10/2025	GBC222	08/10/2025	Lãi tiền gửi			1121		580,010
25/11/2025	GBC253	25/11/2025	Lãi tiền gửi			1121		253,225
			- Cộng số phát sinh					3,867,168,475
			- Số dư cuối kỳ					

2.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung thu nhập khác

Tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, thu nhập khác phát sinh không thường xuyên và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của công ty. Một số khoản thu nhập khác có thể phát sinh tại công ty gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định như máy tính, thiết bị văn phòng đã hết thời gian sử dụng;
- Khoản tiền phạt do khách hàng hoặc đối tác vi phạm hợp đồng;
- Khoản thu hồi các khoản nợ khó đòi đã được xử lý trước đây;
- Các khoản thu nhập khác phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường.

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán thu nhập khác, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Hợp đồng thanh lý tài sản;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu;
- Giấy báo Có của ngân hàng;
- Biên bản xử lý công nợ;
- Quyết định xử phạt hoặc biên bản bồi thường;
- Các chứng từ khác có liên quan.

Khi phát sinh khoản thu nhập khác, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để xác định giá trị thu nhập và phản ánh vào sổ kế toán.

c. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh thu nhập khác phát sinh trong kỳ, công ty sử dụng tài khoản : TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu của TK 711 như sau:

- Bên Có: Phản ánh các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Bên Nợ: Phản ánh số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có) và kết chuyển thu nhập khác sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 711 không có số dư cuối kỳ.

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Ngày 15/07/2025, Công ty TNHH LISOD Việt Nam thanh lý một máy in văn phòng đã cũ không còn nhu cầu sử dụng cho Công ty TNHH Minh Anh theo HĐ 1025477 với giá bán chưa thuế là 3.000.000 đồng, thuế GTGT 10% là 300.000 đồng, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

SỔ CÁI TK 711

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
15/07/2025	PKT148	15/07/2025	Thanh lý máy in văn phòng cũ			131		3.000.000
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác			911	849.520.534	
			- Số phát sinh trong kỳ				849.520.534	849.520.534
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3 Thực trạng kế toán chi phí tại Công ty TNHH Lisod

2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Đối với Công ty TNHH Lisod Việt Nam, do hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, lập trình phần mềm và triển khai các giải pháp công nghệ, giá vốn hàng bán không phải là giá trị hàng hóa xuất kho như tại các doanh nghiệp thương mại mà chủ yếu là chi phí thực hiện dịch vụ. Giá vốn tại công ty bao gồm:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên kỹ thuật, lập trình viên trực tiếp thực hiện dự án;
- Chi phí mua ngoài phục vụ trực tiếp cho việc cung cấp dịch vụ như thuê máy chủ, thuê tên miền, mua phần mềm hỗ trợ, dịch vụ điện toán đám mây;
- Chi phí khấu hao máy tính, thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động lập trình, thiết kế và vận hành hệ thống;
- Chi phí vật tư, công cụ dụng cụ sử dụng trực tiếp cho quá trình thực hiện dịch vụ;
- Các chi phí trực tiếp khác liên quan đến từng hợp đồng dịch vụ.

Các khoản chi phí trên sau khi được tập hợp sẽ được kết chuyển vào TK 632 để xác định giá vốn của dịch vụ đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán giá vốn hàng bán, công ty sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác liên quan

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tập hợp chi phí theo từng hợp đồng, từng dự án hoặc từng loại dịch vụ để xác định giá vốn của dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ.

c. Tài khoản và sổ sách sử dụng

Để phản ánh giá vốn hàng bán, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán;
- Sổ chi tiết
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Nhiệm vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc xuất kho tài sản, công cụ phục vụ hoạt động triển khai phần mềm trong tháng 10/2025 như sau:

- Ngày 15/10/2025, công ty xuất 01 USB 2GB chứa bộ cài và tài liệu hướng dẫn cho phòng Công nghệ Thông Tin để phục vụ hoạt động triển khai sản phẩm phần mềm. Đơn giá xuất kho là 100.000 đồng.
- Cùng ngày 15/10/2025, công ty xuất 01 màn hình Hikvision 22 inch cho phòng Công nghệ Thông Tin để phục vụ hoạt động triển khai sản phẩm phần mềm. Đơn giá xuất kho là 1.290.000 đồng.
- Cùng ngày 15/10/2025, công ty xuất 01 bộ PC Ryzen 5 5600G cho phòng Công nghệ Thông Tin để phục vụ hoạt động triển khai sản phẩm phần mềm. Đơn giá xuất kho là 10.490.000 đồng.

Tổng giá trị xuất kho ngày 15/10/2025 là 11.880.000 đồng.

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

MST: 0108693303

**Địa chỉ: Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 10 năm 2025

Số: P XK/LSD/011-2025

- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Ngọc Huy
- Địa chỉ (bộ phận): phòng Công Nghệ Thông Tin
- Lý do xuất kho: Phục vụ hoạt động triển khai sản phẩm phần mềm
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho tài sản & bản quyền phần mềm Lisod

STT	Tên, nhãn hiệu,	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu	Số lượng thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
1	USB 2GB chứa bộ cài và tài liệu hướng dẫn	TB02	Cái	01	01	100.000	100.000
2	Màn hình Hikvision, 22 inch	D502 2F2-1V2	Cái	01	01	1.290.000	1.290.000
3	Bộ PC ryzen 5 5600g	PC-62	Cái	01	01	10.490.000	10.490.000
	CỘNG						11.880.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Mười một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng**

- Số chứng từ gốc kèm theo :.....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Như

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Huy
Hoàng Ngọc Huy

Thủ kho
(Ký, họ tên)

He

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Bích
Trần Thị Bích

Giám đốc
(Ký, họ tên)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Thành

Hình 2.8: Phiếu xuất kho ngày 15/10/2025

Sổ Cái TK 632

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Mẫu số: S03b-DNN

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
02/01/2025	XK01382	02/01/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY Hải Linh			152	9,500,008	
13/01/2025	NVK01711	13/01/2025	Kết chuyển công trình			154	25,701,064	
.....								
15/10/2025	PXK/LSD/01-2025	15/10/2025	Xuất kho cho phòng Công nghệ thông tin			154	100,000	
15/10/2025	PXK/LSD/01-2025	15/10/2025	Xuất kho cho phòng Công nghệ thông tin			154	1,290,000	
15/10/2025	PXK/LSD/01-2025	15/10/2025	Xuất kho cho phòng Công nghệ thông tin			152	10,490,000	
.....								
17/11/2025	XK01386	17/11/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 8			152	117,101	
11/12/2025	NVK01727	11/12/2025	Kết chuyển công trình			154	104,416,380	
20/12/2025	XK01388	20/12/2025	Xuất kho bán hàng theo hóa đơn 14			152	1,862,380	
31/12/2025	NVK01731	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn bán hàng			911		11,039,872,455
			Số trang trước chuyển sang				11,039,872,455	
			- Cộng số phát sinh				11,039,872,455	
			- Số dư cuối kỳ					

2.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung chi phí tài chính

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí tài chính là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động huy động, sử dụng vốn và các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Chi phí tài chính được phản ánh trên TK 635 – Chi phí tài chính.

Tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, chi phí tài chính phát sinh chủ yếu gồm:

- Chi phí lãi vay ngân hàng;
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng được hưởng;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp nước ngoài;
- Các khoản chi phí khác liên quan đến hoạt động tài chính.

Do đặc điểm hoạt động của công ty chủ yếu được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu, chi phí tài chính phát sinh tại công ty không lớn và chủ yếu là lãi vay ngắn hạn và chênh lệch tỷ giá.

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán chi phí tài chính, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn;
- Giấy báo Nợ của ngân hàng;
- Sao kê tài khoản ngân hàng;
- Bảng tính lãi vay;
- Phiếu kế toán;
- Chứng từ thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp;
- Các chứng từ liên quan đến chênh lệch tỷ giá.

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán xác định số chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để phản ánh vào sổ kế toán.

d. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 635 – Chi phí tài chính.
- Tài khoản chi tiết: 6351 – Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ
- Tài khoản chi tiết: 6352 – Chi phí lãi vay
- Tài khoản chi tiết: 6353 – Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại
- Tài khoản chi tiết: 6354 – Lỗ do bán các loại chứng khoán
- Tài khoản chi tiết: 6355 – Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Tài khoản chi tiết: 6358 – Chi phí tài chính khác

Kết cấu của TK 635 như sau:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
- Bên Có: Phản ánh việc kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 635 không có số dư cuối kỳ.

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Ngày 30/10/2025, ngân hàng Vietcombank trích thu tiền lãi vay của Công ty TNHH LISOD Việt Nam số tiền 1.656.164 đồng theo Giấy báo Nợ số 5127/GBN.

Giấy báo nợ số 5127

	GIẤY BÁO NỢ/DEBIT NOTE	108207512
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHANH HÀ NỘI	Ngày/Date : 30-10-2025	
Đơn vị: Vietcombank - CN Hà Nội Branch		
		Ma GDV: COMPUTER Staff code
		Ma KH: 1827559 Cust. No
		Số GD: 5127 Transaction No
Kính gửi: To	CONG TY TNHH LISOD VIET NAM	
Ma số thuế: Tax ID	0108693303	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đa ghi NỢ tại khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau: Today, we would like to inform to debit your account with the following information		
Số tài khoản ghi NỢ: Debit account	1028689999	
Số tiền bằng số: Amount	1.656.164 VND	
Số tiền bằng chữ: In words	MOT TRIEU SAU TRAM NAM MUOI SAU NGAN MOT TRAM SAU MUOI BON DONG CHAN	
Nội dung: Details	Trích thu Tiền vay - Lai: 1656164- Acct vay 324572993	
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM VIETCOMBANK		
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHANH HÀ NỘI 30/10/2025 09:15:23 Vietcombank eB@nking ACB Signature 		

Hình 2.9: Giấy báo nợ Ngân hàng ngày 30/10/2025

Sổ Cái TK 635

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Mẫu số: S03b-DNN

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
02/01/2025	BN001	02/01/2025	Trả lãi vay hoá đơn 245134			112	2.112.324	
24/01/2025	BN24	24/01/2025	Trả lãi vay hoá đơn 211452			112	1.985.346	
.....								
01/06/2025	BN54	01/06/2025	Trả lãi vay			112	1.747.682	
01/06/2025	BN87	01/06/2025	Trả lãi vay			112	1.947.338	
.....								
30/10/2025	BN98	30/10/2025	Trả lãi vay			112	1.656.164	
27/11/2025	BN111	27/11/2025	Trả lãi vay			112	1.453.240	
28/12/2025	BN121	28/12/2025	Trả lãi vay			112	1.470.358	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính			911		597.123.852
			- Số phát sinh trong kỳ				597,123,852	597,123,852

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC, TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh được sử dụng để phản ánh toàn bộ chi phí quản lý và chi phí phục vụ hoạt động bán hàng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp và hoạt động bán hàng. Cụ thể, các khoản chi phí phát sinh chủ yếu gồm:

- Chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý, bộ phận kinh doanh, bộ phận hành chính;

- Chi phí văn phòng phẩm, điện, nước, điện thoại, internet phục vụ công tác quản lý;
- Chi phí thuê văn phòng, thuê phần mềm quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng tại bộ phận quản lý như máy tính, máy in, bàn ghế, thiết bị văn phòng;
- Chi phí tiếp khách, hội nghị, công tác phí;
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, chăm sóc khách hàng;
- Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản chi phí quản lý khác.

Do đặc điểm hoạt động của công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ, chi phí quản lý kinh doanh chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí phát sinh của doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Bảng chấm công;
- Bảng thanh toán tiền lương;
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương;
- Hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ;
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ của ngân hàng;
- Phiếu xuất kho công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm;
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định;
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ;
- Các chứng từ khác có liên quan.

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tiến hành tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ theo từng nội dung chi phí để phản ánh vào TK 642.

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh;

Trong đó, TK 642 được mở chi tiết để theo dõi từng khoản mục chi phí quản lý kinh doanh như:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý;

- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý;
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng;
- TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác.

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Ví dụ 1: Ngày 10/08/2025 thanh toán tiền cho công ty viễn thông Hà Nội với số tiền 415.300 đồng (chưa VAT 10%) chi tiền mặt.

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Viễn thông Hà Nội Mã số thuế: 0100684378 Địa chỉ: Toà nhà VNPT, 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Hà Nội. Tên KH: Công ty TNHH LISOD VIỆT NAM Địa chỉ: Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hình thức thanh toán: Tiền mặt	Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu(Serial No): BB/18E Số(No): 0705550 MST: 0108693303
---	--

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	CUOC DỊCH VỤ VIEN THONG TP.HN TRA CUOC THANG 5/2025			0	415.300
<i>Cộng tiền dịch vụ(1)</i>					415.300
<i>Thuế suất GTGT 10%</i>					41.530
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)</i>					456.830

Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.

Người nộp tiền ký
(Ký, họ tên)

Ngày 10 tháng 08 năm 2025

Nhân viên giao dịch
(Ký, họ tên)

Hình 2.10: Hoá đơn dịch vụ viễn thông ngày 10/08/2025

Căn cứ vào HĐ GTGT 0705550 Kế toán lập phiếu chi số 10/12.

Đơn vị: Công ty TNHH LISOD VIỆT NAM MST: 0108693303 Địa chỉ: Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.			PHIẾU CHI Số: 10/12 Ngày 10 tháng 08 năm 2025		Mẫu số 02-TT (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)
Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Bích					
Địa chỉ: Phòng kế toán					
Lý do chi: Chi nộp tiền cước viễn thông					
Số tiền: 456.830 đồng					
(Viết bằng chữ): Bốn trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng.					
Kèm theo: 01 chứng từ gốc					
Ngày 10 tháng 08 năm 2025					
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)	

Hình 2.11: Phiếu chi ngày 10/08/2025

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2025, Công ty TNHH LISOD Việt Nam nhận hóa đơn GTGT tiền điện tháng 11/2025 của Công ty Điện lực Ba Đình cho lượng điện tiêu thụ từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025, tổng tiền thanh toán là 4.089.182 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%), thanh toán bằng chuyển khoản.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002
Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Phone Number): 19001288
Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ký hiệu (Serial): 1K25TCA
Số (No): 615101
Ngày (Date) 15 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):
Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code): 0108693303
Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):
Địa chỉ (Address): Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã khách hàng (Customer's Code): PD18005628
Số tài khoản (Account No):
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK
Số định danh (ID No):
Số hộ chiếu (Passport No):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025	kWh	1.258	-	3.786.280
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.786.280
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 302.902
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 4.089.182
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)


Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 15/12/2025 10:45:32

Hình 2.12: Hoá đơn GTGT số 615101

Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
08/01/2025	UNC01072	08/01/2025	Thanh toán BHXH tháng 01/2025			1121	8,700,052	
09/01/2025	UNC01073	09/01/2025	Hạch toán lương NVVP tháng 1			1121	123,256,000	
20/05/2025	UNC01077	20/01/2025	Rút tiền nhập quỹ TM			1121	3,240,064	
.....								
10/8/2025	PC10/08 HD 0705550	10/8/2025	Trả tiền viễn thông			1121	456,830	
31/08/2025	NVK01748	31/08/2025	Lương nhân viên 08/2025			334	129,400,000	
24/10/2025	UNC01088	24/10/2025	Rút tiền nhập quỹ TM			1121	97,000	
.....								
15/12/2025	PC15/12 HD 0000619	15/12/2025	Trả tiền điện tiêu thụ tháng 11			1121	4.089.182	
31/12/2025	PKT20	31/12/2025	Kết chuyển CPQLKD			911		4,510,374,945
			Số trang trước chuyển sang				4,510,374,945	
			- Cộng số phát sinh				4,510,374,945	
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 07 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 07

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.5. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung chi phí khác

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Các khoản chi phí này được phản ánh trên TK 811 – Chi phí khác.

Tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, chi phí khác phát sinh không thường xuyên và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Một số khoản chi phí khác có thể phát sinh tại công ty bao gồm:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán;
- Chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm hành chính;
- Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi phải xử lý;
- Các khoản chi phí khác phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường.

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán chi phí khác, công ty sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Quyết định xử lý tài sản;
- Biên bản xác định giá trị còn lại của tài sản cố định;
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng;
- Biên bản xử lý công nợ;
- Quyết định xử phạt hoặc chứng từ liên quan đến khoản phạt;
- Các chứng từ khác có liên quan.

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán xác định giá trị chi phí khác phát sinh và phản ánh vào sổ kế toán.

c. Tài khoản và sổ sách sử dụng

Để phản ánh chi phí khác phát sinh trong kỳ, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 811 – Chi phí khác.
- Sổ chi tiết
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 811

Kết cấu của TK 811 như sau:

- Bên Nợ: Phản ánh các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

- Bên Có: Phản ánh việc kết chuyển chi phí khác sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 811 không có số dư cuối kỳ.

d. Ví dụ thực tế tại công ty

Ngày 18/11/2025, Công ty TNHH LISOD Việt Nam thực hiện thanh lý 01 máy POS cũ đã hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng. Chi phí vận chuyển và tháo dỡ phục vụ thanh lý theo HĐ 1073146 thanh toán bằng tiền mặt là 800.000 đồng chưa bao gồm VAT 10%.

65

Sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Mẫu số: S03b-DNN

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
18/11/2025	PKT105	18/11/2025	Chi phí vận chuyển và tháo dỡ máy POS thanh lý				880.000	
31/12/2025	1/1/1900	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác					254.973.045
			- Số phát sinh trong kỳ				254.973.045	254.973.045
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp căn cứ trên thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được phản ánh trên TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa kế toán và thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với công ty là 20%.

Thu nhập tính thuế của công ty được xác định theo công thức:

Thu nhập tính thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế + Các khoản chi phí không được trừ – Các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản điều chỉnh giảm khác.

Sau khi xác định được thu nhập tính thuế, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Số thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

b. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Bảng xác định thu nhập chịu thuế;
- Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp;
- Phiếu kế toán;
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;
- Giấy báo Nợ của ngân hàng;
- Các chứng từ khác có liên quan.

Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và bảng tính thuế, kế toán xác định số thuế TNDN phải nộp trong kỳ và phản ánh vào sổ kế toán.

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Kết cấu của TK 8211 như sau:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ.
- Bên Có: Phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 8211 không có số dư cuối kỳ.

e. Ví dụ thực tế tại công ty

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

Mẫu số: 03-1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM
 [03] Mã số thuế: 0108693303

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT (1)	Chỉ tiêu (2)	Mã chỉ tiêu (3)	Số tiền (4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	62.245.879.454
	<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu</i>	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	26.749.904.347
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	3.867.168.475
	<i>Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi</i>	[11]	3.867.168.475
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	15.549.247.400
a	Giá vốn hàng bán	[13]	11.039.872.455
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	4.510.374.945
5	Chi phí tài chính	[16]	597.123.852
	<i>Trong đó: Chi phí lãi tiền vay</i>	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	23.215.772.330
7	Thu nhập khác	[19]	849.520.534
8	Chi phí khác	[20]	254.973.045
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	594.547.489
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	23.810.319.819

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGUYỄN TIẾN THÀNH
 Giám đốc

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN.

☒ Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Hình 2.14: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 (Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông

tư số 80/2021/TT-BTC

ngày 29 tháng 9 năm 2021

của Bộ trưởng Bộ Tài

chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: 5820 - Xuất bản phần mềm

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

[07] Mã số thuế: 0108693303

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số:

Ngày: 16/02/2026

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	23.810.319.819
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	23.810.319.819
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	23.810.319.819
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BDS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	C	
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	23.810.319.819
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	23.810.319.819
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5)	C6	23.810.319.819
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	23.810.319.819
6.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0%
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	4.762.063.964
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
Trong đó:			
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	4.762.063.964

D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E17+D8)	E	4.762.063.964
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	4.762.063.964
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	E2	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	G1	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G2	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G1)	H1	4.762.063.964
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E2-G2)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G3)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G+H1+H2)	I	4.762.063.964
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	4.762.063.964
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYỄN TIỀN THÀNH
Giám đốc

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản.
- Chỉ tiêu C7, C8, C8a: Nếu có nhiều mức thuế suất khác nhau thì kê khai từng mức thuế suất.
- Trường hợp NNT là doanh nghiệp có số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán năm của hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E5.
- Trường hợp NNT kê khai số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế thì kê khai vào chỉ tiêu C14.
- Các chỉ tiêu E4, G3, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ.

Hình 2.15: Tờ khai thuế TNDN năm 2025

2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod

Để xác định kết quả kinh doanh, Công ty TNHH Lisod Việt Nam sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển toàn bộ doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh trong kỳ nhằm xác định lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp.

Sổ Cái TK 911

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		35.495.975.107
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		3.867.168.475
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập khác			711		849.520.534
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	11.039.872.455	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính			635	597.123.852	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			642	4.510.374.945	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác			811	254.973.045	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			8211	4.762.063.964	
31/12/2025	001	31/12/2025	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			421	19.048.255.855	
			- Cộng số phát sinh				40.212.664.116	40.212.664.116
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

Mẫu số: B02-DNN

Số 9 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62,245,879,454	61,417,904,748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	26,749,904,347	24,976,125,178
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		35,495,975,107	36,441,779,570
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	11,039,872,455	12,312,639,473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24,456,102,652	24,129,140,097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3,867,168,475	3,073,642,690
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	597,123,852	737,083,710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.6	4,510,374,945	4,126,439,448
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		23,215,772,330	22,324,259,629
10. Thu nhập khác	31	VI.7	849,520,534	1,345,494,869
11. Chi phí khác	32	VI.8	254,973,045	212,507,159
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		594,547,489	1,132,987,710
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23,810,319,819	23,457,247,339
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.9	4,762,063,964	4,691,449,468
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		19,048,255,855	18,765,797,871

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.16: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Sổ Nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
8/1/2025	8/1/2025	PC0108	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp thanh toán bằng tiền mặt	642	2.500.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	250.000	
			Tiền mặt	111		2.750.000
12/1/2025	12/1/2025	PC1201	Chi phí tiếp khách phục vụ ký kết hợp đồng triển khai phần mềm	642	4.800.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	480.000	
			Tiền mặt	111		5.280.000
20/01/2025	20/01/2025	PC0125	Chi tiền mua nước uống và vật tư vệ sinh văn phòng	642	2.150.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	215.000	
			Tiền mặt	111		2.365.000
31/01/2025	31/01/2025	TL0125	Tính lương phải trả nhân viên tháng 01/2025	642	68.000.000	
			Phải trả người lao động	334		68.000.000
25/02/2025	25/02/2025	GBC0825	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 02/2025	112	3.650.000	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		3.650.000
28/02/2025	28/02/2025	TL0228	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương tháng 02/2025	642	14.620.000	
			Các khoản phải trả theo lương	338		14.620.000
3/3/2025	3/3/2025	UNC0303	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 03/2025 bằng chuyển khoản	642	15.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1.500.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		16.500.000
15/03/2025	15/03/2025	HĐĐ0325	Thanh toán tiền điện văn phòng tháng 03/2025	642	1.850.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	185.000	
			Tiền mặt	111		2.035.000
12/4/2025	12/4/2025	HD0412	Thu tiền bảo trì phần mềm quản lý bán hàng theo HĐ 0412	112	22.000.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		20.000.000
			Thuế GTGT đầu ra 10%	333'		2.000.000
16/08/2025	16/08/2025	HĐ 1052411	Thu tiền cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý bán hàng theo HĐ 1052411	111	5.975.696	

			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		5.533.052
			Thuế GTGT đầu ra 8%	3331		442.644
16/08/2025	16/08/2025	PXK0816	Kết chuyển giá vốn dịch vụ phần mềm cung cấp cho Công ty CP Dược phẩm Kokasi	632	3.800.000	
			Chi phí SXKD dở dang	154		3.800.000
23/08/2025	23/08/2025	GBC0825	Khách hàng thanh toán tiền dịch vụ bảo trì phần mềm quản lý bán hàng theo hợp đồng đã ký	112	16.500.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		15.000.000
			Thuế GTGT đầu ra 10%	3331		1.500.000
.....						
25/08/2025	25/08/2025	PC0825	Mua văn phòng phẩm phục vụ quản lý doanh nghiệp	642	3.500.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	350.000	
			Tiền mặt	111		3.850.000
30/09/2025	30/09/2025	UNC0930	Tạm nộp thuế TNDN quý III/2025 bằng chuyển khoản	3334	1.000.000.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		1.000.000.000
.....						
01/10/2025	01/10/2025	UNC1025	Thanh toán cước internet và máy chủ phục vụ triển khai phần mềm	642	7.500.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	750.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		8.250.000
11/10/2025	11/10/2025	HD 1067922	Bán phần mềm quản lý bán hàng LiTech 02 theo HD 1067922	111	33.000.000	
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5113		30.000.000
			Thuế GTGT đầu ra 10%	3331		3.000.000
11/10/2025	11/10/2025	PXK1011	Kết chuyển giá vốn phần mềm quản lý bán hàng LiTech 02 bán cho Công ty TNHH SX & TM Hải Linh	632	18.500.000	
			Chi phí SXKD dở dang	154		18.500.000
13/10/2025	13/10/2025	UNC1310	Thanh toán chi phí quảng cáo phần mềm trên nền tảng số	642	12.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1.200.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		13.200.000
.....						
15/10/2025	15/10/2025	PXK1015	Xuất USB 2GB phục vụ triển khai phần mềm	632	100.000	
			Công cụ dụng cụ	153		100.000
15/10/2025	15/10/2025	PXK1015	Xuất màn hình Hikvision 22 inch phục vụ triển khai phần mềm	632	1.290.000	
			Công cụ dụng cụ	153		1.290.000
15/10/2025	15/10/2025	PXK1015	Xuất bộ PC Ryzen 5 5600G phục vụ triển khai phần mềm	632	10.490.000	
			Công cụ dụng cụ	153		10.490.000

19/10/2025	19/10/2025	GBC1910	Khách hàng chuyển khoản thanh toán công nợ dịch vụ phần mềm	112	45.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		45.000.000

20/10/2025	20/10/2025	GBC1020	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	5.200.000	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		5.200.000
25/10/2025	25/10/2025	PC1025	Chi phí tiếp khách phục vụ quản lý doanh nghiệp	642	8.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	800.000	
			Tiền mặt	111		8.000.000
31/10/2025	31/10/2025	HDD1025	Thanh toán tiền điện văn phòng tháng 10/2025 bằng chuyển khoản	642	6.300.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	630.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		6.930.000
31/10/2025	31/10/2025	PXK1025	Xuất thiết bị mạng phục vụ triển khai hệ thống phần mềm cho bộ phận kỹ thuật	642	3.250.000	
			Công cụ dụng cụ	153		3.250.000

01/11/2025	01/11/2025	PXK0111	Xuất thiết bị mạng phục vụ triển khai hệ thống phần mềm	632	2.800.000	
			Công cụ dụng cụ	153		2.800.000
5/11/2025	5/11/2025	TLTS1105	Chi phí thanh lý máy tính văn phòng	811	15.000.000	
			Hao mòn TSCĐ	214	35.000.000	
			TSCĐ hữu hình	211		50.000.000
10/11/2025	10/11/2025	PC1110	Chi tiền sửa chữa máy tính phục vụ bộ phận kỹ thuật	642	2.200.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	220.000	
			Tiền mặt	111		2.420.000
18/12/2025	18/12/2025	UNC1218	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 12/2025 bằng chuyển khoản	642	15.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1.500.000	
			Tiền gửi ngân hàng	112		16.500.000

31/12/2025	31/12/2025	PKT01	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2025	8211	4.762.063.964	
			Thuế TNDN phải nộp	3334		4.762.063.964
31/12/2025	31/12/2025	KC01	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	35.495.975.107	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		35.495.975.107
31/12/2025	31/12/2025	KC02	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	3.867.168.475	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		3.867.168.475
31/12/2025	31/12/2025	KC03	Kết chuyển thu nhập khác	711	849.520.534	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		849.520.534

31/12/2025	31/12/2025	KC04	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	11.039.872.455	
			Giá vốn hàng bán	632		11.039.872.455
31/12/2025	31/12/2025	KC05	Kết chuyển chi phí tài chính	911	597.123.852	
			Chi phí tài chính	635		597.123.852
31/12/2025	31/12/2025	KC06	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	4.510.374.945	
			Chi phí quản lý kinh doanh	642		4.510.374.945
31/12/2025	31/12/2025	KC07	Kết chuyển chi phí khác	911	254.973.045	
			Chi phí khác	811		254.973.045
31/12/2025	31/12/2025	KC08	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	4.762.063.964	
			Chi phí thuế TNDN hiện hành	821		4.762.063.964
31/12/2025	31/12/2025	KC09	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911		19.048.255.855
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.048.255.855	

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LISOD VIỆT NAM

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod

Nền kinh tế thị trường tại Việt Nam đã và đang phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, kéo theo sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp cạnh tranh. Điều này không chỉ mở ra nhiều cơ hội mà còn đặt ra những thách thức lớn đối với Công ty TNHH Lisod Việt Nam. Nhận thức rõ điều đó, công ty đã chủ động phát huy thế mạnh sẵn có, nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng lòng tin vững chắc với khách hàng. Nhờ vậy, Lisod không ngừng mở rộng quy mô và khẳng định vị thế trên thị trường. Công ty chuyên xuất bản phần mềm, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, cùng nhiều các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, đáp ứng nhu cầu bảo vệ an toàn tối ưu cho khách hàng.

Trong thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, có thể nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã được tổ chức tương đối hợp lý và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Công ty đã xây dựng được bộ máy kế toán gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng giữa các nhân viên kế toán, giúp quá trình xử lý chứng từ và ghi nhận nghiệp vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.
- Công tác kế toán được thực hiện theo đúng quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các tài khoản sử dụng trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được vận dụng tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.
- Hệ thống chứng từ kế toán như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, giấy báo nợ, phiếu xuất kho... được lập đầy đủ, lưu trữ khoa học và có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bộ phận liên quan.
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán trong quá trình hạch toán, giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công, nâng cao tính chính xác và tiết kiệm thời gian xử lý số liệu.

- Các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận tương đối kịp thời, phản ánh đúng tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.
- Chi phí phát sinh được tập hợp đầy đủ theo từng nội dung kinh tế, giúp doanh nghiệp dễ dàng theo dõi và kiểm soát chi phí trong quá trình hoạt động.
- Cuối kỳ, kế toán thực hiện đầy đủ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh, phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận đôi lúc còn chậm, dẫn đến một số nghiệp vụ chưa được ghi nhận kịp thời.
- Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi hoặc dự phòng giảm giá hàng tồn kho, điều này có thể ảnh hưởng đến tính chính xác của báo cáo tài chính.
- Công tác phân loại và kiểm soát chi phí đôi khi chưa thực sự chi tiết, một số khoản chi phí phát sinh chưa được theo dõi riêng theo từng bộ phận hoặc từng dự án.
- Việc phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chưa được chú trọng nhiều, chủ yếu mới dừng lại ở việc ghi nhận số liệu mà chưa có các báo cáo phân tích chuyên sâu phục vụ quản trị.
- Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn chưa khai thác tối đa các tính năng của phần mềm kế toán.
- Công ty chưa xây dựng hệ thống kiểm tra, đối chiếu nội bộ thường xuyên nên vẫn có thể xảy ra sai sót trong quá trình hạch toán.

3.2 Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lisod

Để nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, Công ty TNHH Lisod Việt Nam cần xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

- Hoàn thiện công tác luân chuyển và lưu trữ chứng từ

Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ rõ ràng giữa các bộ phận nhằm đảm bảo chứng từ được chuyển đến phòng kế toán kịp thời và đầy đủ. Đồng thời cần tăng cường kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ trước khi ghi nhận nghiệp vụ kế toán.

Ngoài ra, việc lưu trữ chứng từ nên được sắp xếp khoa học theo từng tháng, từng loại nghiệp vụ để thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra sau này.

- Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chi phí

Doanh nghiệp cần thực hiện phân loại chi phí chi tiết hơn theo từng bộ phận, từng hoạt động hoặc từng dự án để dễ dàng kiểm soát và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí.

Bên cạnh đó, công ty nên xây dựng định mức chi phí phù hợp cho từng hoạt động nhằm hạn chế tình trạng phát sinh các khoản chi không cần thiết, góp phần tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Công ty nên tiếp tục nâng cấp và khai thác tối đa các tính năng của phần mềm kế toán để phục vụ công tác quản lý và lập báo cáo tài chính.

Đồng thời, doanh nghiệp cần thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn nhân viên kế toán nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm và cập nhật các quy định mới về kế toán, thuế.

- Thực hiện tốt công tác trích lập dự phòng

Công ty cần xem xét thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo đúng quy định nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc xử lý các khoản công nợ có khả năng mất vốn, hạn chế rủi ro tài chính trong tương lai.

- Tăng cường công tác phân tích kết quả kinh doanh

Ngoài việc ghi nhận số liệu kế toán, công ty cần chú trọng hơn đến công tác phân tích doanh thu, chi phí và lợi nhuận theo từng kỳ kế toán.

Thông qua việc phân tích các chỉ tiêu tài chính, doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp và xây dựng chiến lược phát triển hiệu quả hơn trong tương lai.

- Tăng cường kiểm tra nội bộ trong công tác kế toán

Công ty cần xây dựng quy trình kiểm tra và đối chiếu số liệu kế toán định kỳ nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sai sót phát sinh.

Việc tăng cường kiểm soát nội bộ không chỉ giúp nâng cao tính chính xác của thông tin kế toán mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế cạnh tranh khốc liệt hiện nay, các doanh nghiệp phải luôn không ngừng nỗ lực để duy trì và phát triển. Để đạt được điều này, công tác kế toán nói chung đặc biệt là kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần được củng cố và hoàn thiện, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Sau hơn 8 năm hoạt động, Công ty TNHH Lisod Việt Nam đã khẳng định được vị thế vững chắc trên thị trường. Với tiêu chí: “LISOD Việt Nam hướng tới trở thành một trong những công ty hàng đầu về công nghệ thông tin và dịch vụ phần mềm tại Việt Nam trên toàn thế giới”, chính vì vậy đội ngũ nhân viên luôn không ngừng nỗ lực từng ngày để cập nhật công nghệ mới và nâng cao chất lượng dịch vụ. Nhờ đó, công ty không chỉ mang đến những giải pháp tối ưu cùng các dịch vụ chất lượng mà còn ngày càng thu hút và mở rộng tệp khách hàng.

Qua quá trình học tập, nghiên cứu và thực tập tại Công ty TNHH Lisod Việt Nam, em nhận thấy công tác kế toán tại đây hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán cho công ty và tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty đã cho em cơ hội được làm quen với môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị tốt hơn cho công việc trong tương lai. Dù khoảng thời gian thực tập không dài, nhưng nó thực sự ý nghĩa, giúp em hiểu rõ hơn về vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của một kế toán viên.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy cô tại Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, đặc biệt là cô Nguyễn Thị Hồng Hạnh, người đã tận tình hướng dẫn và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện bài khóa luận. Đồng thời, em cũng chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty TNHH Lisod Việt Nam đã tạo điều kiện để em có cơ hội thực tập và học hỏi thực tế. Do thời gian thực tập có hạn, kinh nghiệm thực tế còn ít và hiểu biết còn hạn hẹp nên bài khóa luận của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ thầy cô và doanh nghiệp để có thể hoàn thiện bài nghiên cứu tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
2. Tài liệu kế toán năm 2025 của Công ty TNHH Lisod Việt Nam.
3. Giáo trình Nguyên lý kế toán.
4. Khóa luận tốt nghiệp của các sinh viên khoá trước Trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.